NĂM THỨ BA — Số 118 Thứ năm — 28 Octobre 1943

TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HẰNG TUẦN

Mục lục

* Nhiều áng thơ hay... — *Hoa-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LXVI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Triết thi (poésie philosophique) — *Minh-Tuyền*
* Tùy hứng Nhân huệ vương và Phan thanh-Giản — *Trần-văn-Bích và Tân-Phương*
* Lê thanh-Tông — *Chu-Thiên*
* Những người hào-hiệp đời Chiến-quốc — *Ứng-Hoè*
* Xét định sử liệu — *K. T. Q.*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Phép đặt đầu bài thơ — *Tùng-Vân*
* Đại-Nam dật sự (XIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Duyên nợ văn chương — *Nề-Uy*
* Giả nhời câu hỏi: Tả-quân-Duyệt... — *Lê-văn-Kim*
* Cháy cung Chương-võ (Tiểu thuyết, VIII) — *Chu-Thiên*

Tòa Báo: 95-97, phố Chanceaulme, Hanoi

Một năm **12$00** — 6 tháng **6$50** — 3 tháng **3$50** — Mỗi số **0$30**

Nhiều áng thơ hay ngày xưa dễ được truyền rộng phải chăng cũng vì tác-giả đi gần đại-chúng?

HOA-BẰNG

THEO lối văn cử-nghiệp ta xưa, người ta thường dùng điển-tích trong các sách Tàu: nhan-nhản trên những trang thêu hoa dệt gấm.

Duy những nhà thơ nào có tính-cách bình-dân và thuần-túy xứ-sở mới hay dùng phong-dao tục-ngữ trong thơ văn để biểu-dương cái tinh thần đặc-biệt của dân tộc Đại-Việt.

Chẳng nói, các bạn cũng rõ phong-dao tục-ngữ của ta là tiếng của thiên lãi, là hồn của bình-dân, là vang-dội của âm-thanh đại-chúng. Nó đã phổ rộng vào bản đàn tiếng nam, nó đã xây vững được địa-vị và giá-trị trong thi văn giới.

Phải, phong dao và tục ngữ đã thấm sâu vào não tủy dân-chúng hàng mấy nghìn năm nay, ai cũng coi nó như câu kinh nhật-tụng, nên từ lời nói thường đến cảnh viết văn-hoa, phần đông người mình còn dùng nó làm khuôn vàng thước ngọc. Với nó, người ta quen thuộc như bạn thân. Nói đến nó, ai cũng dễ bề tỉnh-hội và nhận thức.

Vì vậy, phàm những nhà thơ văn nào có tính-cách như Bạch Cư-Dị muốn cho văn mình được phổ-thông, đọc lên những hạng bố cu mẹ đĩ nhà quê cũng hiểu biết được thì thường áp dụng những câu phong dao tục ngữ để phô-diễn ý-tưởng trong thơ ca của mình.

Biết cách ứng dụng phong-dao ngạn-ngữ ấy, ta phải kể Xuân-Hương là người đặt rất sành và viết rất khéo dưới ngòi bút tả-chân sống, động và đẹp của nàng.

Như hai câu kết trong bài « *Cả nể* »:

« *Quản bao miệng thế lời chê nhiều lệch,*
« *Những kẻ không mà có mới ngoan!* »

Để tả cái sự dở-dang của người cả nể, chưa thấy duyên thiên nhô đầu dọc (chưa chồng), mà phận hiếu đã nảy nét ngang (đã có con), tác-giả Xuân-Hương thương cảm cho thân phận con người phải mang « mảnh tình một khối », lại trách thầm ai nhớ hay quên « cái nghĩa trăm năm »

Bài thơ ấy viết được 6 câu, cứ kể cũng đã đủ ý. Chỉ vì nàng khéo vận-dụng thi tứ, có tài khu-khiển phong-dao, nên mới lột được cái ý của phong nhân xưa, bạ được câu kết kỳ-dặt như thế.

***

Cóc đẻ trứng ở bè cỏ hoặc rễ cây bên nước khi đủ ngày, sinh ra nòng nọc (trong Nam kêu là *cá nhái*) Đến khi nhớn nhớn thì rụng đuôi, lại lên cạn làm cóc. Cho nên tục-ngữ có câu: « *Nòng nọc đứt đuôi* ». Ý nói con nòng-nọc một khi đã rụng đuôi rồi thì thành ra cóc, thế là hết chuyện, không còn khi nào có hi vọng trở lại cái hình tướng cũ. Đó cũng vì như một khi tấm gương đã vỡ, cái bình đã tan, thì, ôi thôi, còn gì là duyên kiếp nữa!

« *Lăn-lóc như cóc bôi vôi* », cũng là câu tục-ngữ ta dùng để chỉ về một người nào hay một vật gì đã bị phóng-trục, đã bị ruồng rẫy, nhưng nó vẫn lăn-lóc quay về. Nguyên người ta thử lấy vôi bôi vào mình con cóc, đem thả ra một chỗ xa, thế rồi lại thấy cóc trở về với cái lốt đã đánh dấu ấy.

Chỉ có hai câu tục ngữ như vậy, thế mà tác-giả Xuân-Hương khéo dùng để khóc Tổng Cóc:

« *Chàng Cóc ơi! Chàng Cóc ơi!* (1)
« *Cong-cóc đi đâu chẳng bảo tôi!* (2)
« Nòng-nọc đứt đuôi *từ đấy nhé*:
« *Ngàn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi!* »

***

Nàng Xuân-Hương bị áp-bách về mặt kinh-tế, phải hỏi vay Chiêu-Hổ một bạn thơ ở đương thời, năm quan (3) tiền. Nhưng Chiêu-Hổ chẳng có « họ » với chú Cuội trên cung nguyệt, nên « nói rằng năm lại cọ ba »! Vì vậy, sau khi « *trách người quân-tử hẹn sai ra* », Xuân-Hương bèn dùng ngay câu tục-ngữ « Nói dối như Cuội » mà mát-mẻ Chiêu Hổ:

« *Bao giờ thong-thả lên chơi nguyệt*
« *Nhớ giải cho xin nắm lá đa!* »

Câu ấy hay, hay vì tác-giả đã khéo tả-vẽ về phần « thần », « hóa » hẳn được tiếng « Cuội », khiến cho câu thơ ấy trở nên đẹp đẽ ở chỗ « không thô » và khéo-léo ở chỗ « không lộ ». Thế là nàng đã làm đạt mục-đích: « *ngôn chi giả hữu ý, thính chi giả vô tội* » (nghĩa là người nói thì có ý, nhưng không có lỗi gì đối với người nghe)

***

Lại như trong bài *Cíu lái* có 8 câu, thế mà tác-giả Xuân Hương « lấy chữ » trong tục ngữ đến 5 câu, đủ biết cái tài « chế hóa » của nhà nữ thi sĩ ấy thần diệu đến bậc nào! Thần diệu ở chỗ làm tan được vị tục mà lọc lấy chất thanh, thần diệu ở chỗ chế biến màu cũ mà làm thành sắc mới lộng lẫy, thần diệu ở chỗ ăn tiêu được đồ ăn của cổ nhân mà hóa làm chất tư dưỡng của mình. Xin mời các bạn thử đọc :

Chuyến đò nên nghĩa *sao không nhỉ!*
Sang nữa hay là một chuyến thôi?

Hay lắm! Hay vì câu dưới đây lại rằng có hòng sang nữa hay thôi mà đã vội qua sông phụ sóng, nên càng làm nổi bật được câu trên dùng tục ngữ « một chuyến đò nên nhân nghĩa ».

***

Cũng có tài khéo dùng phong dao tục ngữ như Xuân Hương, thi sĩ Nguyễn Du đã cho chúng ta thấy rõ những chỗ xuất sắc ấy trong truyện Kiều :

Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự đời.

Câu thứ hai có cái hình ảnh *cam* và *quít* làm cho câu văn nhuộm đầy một vẻ khả-quan, đó chẳng qua vì tác giả Nguyễn-Du đã sử dụng khéo leo được câu tục ngữ : « *Quít làm cam chịu* ». Chỉ vì biết chế hóa tục ngữ, nên nhà Hồng-sơn liệp hộ đã thần tả được cái tình tiết lúc nàng Kiều phải bán mình, sa vào tay Mã Giám sinh: nàng là một phẩm đào tiên, thế mà phải rơi vào tay phàm phu tục tử. Thật là do biến cố « Quít » làm, « Cam » phải chịu tai vạ đau đớn!

***

« *Mặt của mướp đắng* ». Đó là câu tục ngữ dùng chỉ những tay địch thủ cùng đáo để, cùng trả miếng nhau tran-trát, không ai chịu kém ai.

Khi tả về Tú-Bà và Mã Giám sinh, là hai bợm già kiếm ăn ở miền hoa nguyệt, tác giả truyện Kiều chỉ dựa vào câu tục ngữ trên mà điểm xuyết thêm :

« *Mặt của mướp đắng* hai bên một phường! »

Khiến người đọc đến, biết ngay là một đứa đã quen phong tình và một mụ đã hết duyên ở làng chơi kia thật là một phường ghê gớm trong nghề buôn son bán phấn!

***

Khi Kiều báo ân báo oán, bắt được Hoạn-thư, là chị vợ cả của Thúc-sinh, đã từng quá ghen làm cho Thúy-Kiều phải trốn đi, tác giả Nguyễn Du chỉ dùng mấy chữ trong câu tục ngữ mà mô tả được bao cái đột ngột, bao cái biến huyễn vượt ngoài trí tưởng tượng của người ta :

Vợ chàng quỷ quái tinh ma,
Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau!

Đọc lên, ta hiểu ngay cái cơ-hội gặp gỡ lạ lùng giữa Hoạn-thư và Thúy Kiều : Hoạn thư tinh quá như kẻ cắp, Thúy Kiều yếu ớt như bà già, thế mà tình cờ Kiều lại vớ được kẻ thù xưa! Thật là một dịp hiếm có. Lúc này không thẳng tay trị, còn đợi lúc nào? Nhưng nhờ ở lượng bao dung, « *tha cho thì cũng may đời, làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen* », rồi « bà già » lại thả « kẻ cắp ».

***

Được thừa hưởng món gia tài thiêng liêng đó, nhiều cụ tiền bối gần đây cũng biết « sử » được cây bút dùng phong dao tục ngữ một cách rất xảo diệu, như hai câu thực trong một bài *Ngũ thập tự thọ* của một vị túc học đa quá cố :

Vợ cùng tuổi ấy may ngồi ruồi,
Con nhớn phen nay hẳn rợ mòn,

Đó là « lấy chữ » ở trong hai câu tục ngữ này : « *Vợ chồng cùng tuổi, ngồi ruồi mà ăn* » và « *nợ mòn, con nhớn* ».

***

Như các bạn đã thấy, những áng văn cổ hay, đẹp ngày xưa phần nhiều có dùng và hóa được những câu phong dao tục ngữ, lột lấy tinh thần, rút lấy anh hoa khiến cho người đọc có thể chỉ nhận mấy chữ thấy trong thơ ca ấy rồi nhớ lại cái ý nghĩa của chỗ xuất xứ mà hiểu được tác giả câu thơ văn kia muốn nói gì. Thế là chỉ nhờ bóng mà thấy được hình, nhờ vang mà biết có tiếng.

Lối « lấy chữ » trong phong dao tục ngữ này đến lớp sau đây đã hiếm thấy trong làng văn hiện đại : âu cũng là một nét biến thiên trong văn chương Việt nam ngày nay.

(*Xem tiếp trang 19*)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 66

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa canh-tuất, năm 1490, hiệu Hồng-đức thứ 21 đời vua Lê Thánh-tông (1460-1497), lấy đỗ tiến-sĩ 54 ông (1). Đỗ đệ nhất giáp cập-đệ là ba ông sau này :

1. — Vũ-Duệ, người xã Trình-xá, huyện Sơn-vi, phủ Lâm-thao, trấn Sơn-tây. Lúc nhỏ có tiếng thần-đồng (2). Thi hương đỗ giải-nguyên (thủ khoa). Năm 23 tuổi, thi một lần đỗ ngay đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ nhất-danh (trạng-nguyên) khoa canh-tuất 1490. Vua Lê Thánh-tông xem bài đối sách, bảo các thị-thần rằng: « Ngày sau trong nước xảy có việc gì, chắc người này đảm-đương được.» Trước tên là Nghĩa-Chi, vua đổi tên cho là Duệ (chép trong *Đỉnh-nguyên phật-lục*, bản sao của Trường Bác-cổ số A 1205, tờ 15 b; còn *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 77 a, chép ông là người tính-khí trung-trực, giữ chính không a-dua: vua Thánh-tông thường nói chuyện với thị-thần rằng ngày sau trong nước có xảy việc gì, tất người này đương nổi : thế là cùng một câu nói mà hai quyển sách chép hơi khác nhau).

Đầu hiệu Cảnh-thống (năm 1498) làm tham-chính Hải-dương. Trong năm canh-thìn 1520 hiệu Quang-thiệu đời vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) thăng Lại-bộ thượng-thư, kiêm Đông-các đại-học-sĩ, vào hầu tòa kinh-diên, hàm thiêu-bảo, tước Trình-khê hầu. Lúc bấy giờ ông 53 tuổi.

Bọn Hoàng-duy-Nhạc làm loạn (Nhạc và Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng đều là bộ-tướng của Trần-Châu; vì Trần-Châu bị giết oan, bộ tướng là bọn Nhạc phục thù). Vua Lê Chiêu-tông chạy sang Gia-lâm, với Mạc-đăng-Dung đi đánh giặc : Mạc-đăng-Dung xin vua dời đến Bảo-châu (thuộc Từ-liêm). Đô-ngự-sử là Đỗ-Nhạc và Nguyễn-Dự can, bị Đăng-Dung giết : việc ấy thuộc vào năm Quang-thiệu thứ ba (1518). Ông Vũ-Duệ đi hỗ-tùng có công, được phong Trình-ý bình-văn công-thần.

Sau Mạc-đăng-Dung nắm cả uy-quyền, tiếm loạn không kiêng nể gì (như đi thuyền rồng, lọng phượng). Nhân vua Lê Chiêu-tông lánh nạn (vì có bọn Trịnh-Tuy và Nguyễn Sư làm phản) đến làng Mộng-sơn, thuộc huyện Minh-nghĩa, trấn Sơn-tây, ông Vũ Duệ đem binh chặn các chỗ hiểm-yếu, cùng chống-cự với Mạc-đăng-Dung.

Mồng một tháng tám năm nhâm-ngọ 1522, Mạc-đăng-Dung tôn Lê Hoàng-đệ Xuân lên làm vua, dựng hành điện ở Gia-phú. Trịnh-Tuy theo Mạc bắt ép vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa (lúc bấy giờ vua Lê Chiêu-tông phải chạy, nay đây mai đó, nam sáu năm không có chỗ ở) ông Vũ-Duệ và môn-đệ là Nguyễn-mẫn-Đốc người Xuân-lũng huyện Sơn-vi, trấn Sơn-tây, đỗ bảng-nhãn khoa mậu-dần 1518, hiệu Quang-thiệu) ở hành điện (làng An-quyết) cố giữ, sau biết thế không địch nổi, đem hương-binh đi theo, đến Thanh-hoa lạc mất chỗ vua ở, ông Vũ-Duệ mặc mũ áo, ngành vào lăng miếu Lam-sơn, rồi tự-tận, cả thượng-thư là Ngô-Hoán (sẽ nói dưới này) cũng tử tiết lúc bấy giờ. Đến năm Cảnh-trị thứ tư (1666) đời vua Lê Huyền-tông (1662-1671), khen thưởng tiết-nghĩa, cho làm đệ-nhất công-thần, phong thượng-đẳng-thần, dựng đền thờ ở làng ông, đến năm Gia-long thứ 16 (1817), gia phong thượng-đẳng phúc-thần (2). Có chín bài thơ cận-thể còn chép trong bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí-Đôn (bản sao của trường Bác-cổ, số A 1262, quyển 15, tờ 22 b ; chín bài ấy nói về việc bái yết Sơn-lăng, — nhớ công-nghiệp đức Thánh-tổ, — lên điện Quang-đức cảm-hứng thành thơ, — ngự nhà Kiến-thụy, — sớm ngày nhổ neo sông Thiên-vực, — dừng chân châu Thúy-ái (sáu bài ấy họa vần thơ vua Lê Thánh-tông), — viếng bà Quang-thục hoàng-thái-hậu, — viếng vua Lê Thánh-tông, — đi hỗ-tùng vua Lê Chiêu-tông đến Bảo-châu cảm khái thành thơ.

2. — Ngô-Hoán, người xã Thượng-đáp, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách, trấn Hải-dương. Năm 31 tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ nhị danh (bảng-nhỡn) khoa canh-tuất 1490. Năm giáp-dần 1494, đang chức Đông-các hiệu-thư dự Tao-đàn nhị thập-bát tú. Năm ất-sửu 1495 hiệu Đoan khánh, làm hiến-sát-sứ trấn Thanh-hoa. Đầu hiệu Hồng-thuận (1509) đổi làm thừa-tuyên-sứ. Chưa bao lâu thăng Lại-bộ thượng-thư. Năm nhâm-ngọ 1522 hiệu Thống-

nguyên, Trịnh-Tuy (bọn thần nhà Lê sau theo Mạc) bức vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Bày-tôi nhà Lê theo vua đi thì ít, a-dua với Mạc thì nhiều. Năm ấy ông Ngô-Hoán đã 63 tuổi, ông theo vua Lê Chiêu-tông vào Thanh-hoa. Năm sau đánh quân Mạc, bị thua. Vua Chiêu-tông chạy sang Ai-lao, ông một mình đi bộ theo. *Đăng khoa bị khảo* (quyển Hải-dương, tờ 58 b-59 a) chép ông « mấy năm chạy nạn, khổ-sở mà lòng vẫn như sắt đá; sau ông tuẫn-tiết tự-tử. Đời trung-hưng phong-thưởng những bậc trung-thần nghĩa-sĩ, ông được truy phong Suy-trung công-thần, gia-phong thượng-đẳng phúc-thần, lập đền thờ, muôn đời để lại tiếng thơm... ». Ông có 13 bài thơ cận-thể còn chép trong *Toàn-Việt thi-lục* (quyển 15, tờ 29 a); nghĩa những đầu bài ấy là: tướng sĩ nhớ nhà, — động Lục-vân, — người anh-tài, — nhớ công-nghiệp đức Thánh-tổ, — lên điện Quang-đức cảm khái thành thơ, — ngự nhà Kiến-thụy, — dừng chân châu Thúy-ái, — đạo làm vua, — tiết làm tôi, — pháp-cung cảm hứng thành thơ, — khí lạ, — văn-nhân, — hoa mai, đều là thơ họa vần vua Lê Thánh-tông.

3. — Lưu-ngạn-Thư, người xã Đa-nghi, huyện Vĩnh-lại, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập-đệ tam danh (thám hoa) khoa canh-tuất 1490. Bắt đầu bổ Hàn-lâm-viện đãi-chế, dự Tao-đàn nhị-thập-bát tú, làm quan đến thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 49 a). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 37 a) chép làm quan đến Hàn-lâm-viện đãi-chế.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) Khoa canh-tuất 1490 chỉ thấy chép tên các ông đỗ ở quyển *Đăng khoa lục* (sách in) còn quyển *Lê triều tiến-sĩ đề danh bi-ký* (sách viết) thì không thấy chép văn bia khoa ấy, và cả tên khoa ấy cũng không chép: như thế có lẽ mất bia đã lâu.

2) Nhân kỳ sau *Tri Tân* ra một số riêng về thanh-niên, tôi lấy quyển *Tang-thương ngẫu lục* (quyển hạ, tờ 25 b) ra dịch chuyện voi đất của ông Vũ Duệ để độc giả xem qua một « chuyện thần-đồng ». Xưa nay, tôi không chép những chuyện có tính-cách truyền-kỳ, vì xét ra không có ích-lợi mấy cho sử-học. Chuyện voi đất của ông Vũ-Duệ như sau này: « Trạng nguyên Vũ-công Duệ (chữ công đây nghĩa là ông, do người làm sách tôn-xưng ông nên chép thế, chứ không phải chữ đàm) là con nhà làm ruộng ở làng Trình-xá, huyện Sơn-vi. Lúc nhỏ, cha mẹ ra ruộng vắng, ông cùng các trẻ con chơi đùa, lấy đất nặn con voi, bắt con bướm làm tai, cắm con dia làm vòi, lấy bốn con cua làm bốn chân đi. Đang chơi, có người đòi nợ đến cửa, hỏi: « Cha mày đi đâu? » ông đáp: « Đi giết một người ». Hỏi: « Mẹ mày đi đâu? » ông đáp: « Đi sinh một người ». Khách lấy làm lạ, gạn hỏi, ông đòi tiền thưởng, khách nói: « Ta không nói dối; hễ nói ra, ta cho nhà mày món nợ ấy ». ông đưa một nắm đất bảo người khách ấn tay làm tin. Khách miễn-cưỡng làm theo. ông cười, tôi đáp rằng: « Có gì đâu! Cha tôi cắt mạ, mẹ tôi cấy mạ: ấy giết người, sinh người là thế! » Khách lấy làm lạ, lui về. Đến ngày khác, lại đến hỏi nợ, ông đem nắm đất hôm nọ ra: khách không nói gì được hết, chỉ khuyên cha ông nên cho ông đi học, sẽ thôi không đòi nợ nữa, để tiền giúp vào sự học của ông ».

CÁC NHÀ HÀNG-SẢN HÀNG TÂM!

Mùa đông tới, biết bao người nghèo khó đã bị ma đói hành-hạ, lại sắp bị thần rét ra oai, manh quần tấm áo che thân không đủ, phỏng chịu sao nổi những cơn gió rét cắt ruột;

Ban « Cứu-Tế mùa đông » đã thành lập, do 5 Hội Thiện và 3 nhà báo hàng ngày ở Hà-Thành hiệp lại kiếm tiền để may 3 vạn quần áo rét phát cho người nghèo ở Hà-nội.

Cứu-tế đồng-bào là nghĩa-vụ chung, mong các nhà từ-thiện khắp các giới sẵn lòng giúp sức ban Cứu tế mùa đông để tiến hành công cuộc cho được kết quả mỹ-mãn.

Văn-phòng của ban Cứu-Tế mùa đông đặt tại Hội-quán Hội Hợp-Thiện 125 Boulevard Henri d'Orléans Hànoi. Dây nói số 598 và các số 247, 344.

Thư từ hay ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng Hữu Huy, ủy-viên trường-trực.

Ban Cứu-Tế mùa đông Hànoi kính Cáo

Triết-thi (poésie philosophique)

MINH-TUYỀN

Triết thi, hay là thơ triết-học, là một thể thơ có mục-đích phô-diễn những quan-niệm về tạo-hóa, về vũ trụ về thời-gian, về nhân-sinh. Nhuộm màu tôn giáo hay lịch-sử hay khoa học, triết-thi, theo như danh của nó đã mang, bao hàm tư-tưởng nhiều hơn là tình tình và hình ảnh, đập mạnh vào lý trí, bắt chớp nhoáng vào tiềm thức, cọ sát vào ý tưởng để làm nẩy ra những luồng điện tinh-thần hãn hữu. Nó căng thẳng và thắt hẹp tưởng tượng trong những mực vô cùng vĩ đại, vô cùng tế vi; tưởng tượng có khi bao-quát cả không gian có khi thu-hình trong nguyên-tử, trong những thế-giới kỳ khôi của nguyên-tử. Nó làm rung động những giây tình-cảm, ý được gả, gợi nhất và chỉ nay bắt trong như g lúc người ta thoát ra khỏi cái ngục bản ngã om tối, chật hẹp, nồng mùi phàm-tục, ngạt khí đê-hèn.

Đã có một đối tượng chung với siêu-hình học, triết-thi tất nhiên phải có tính-cách tổng-quan và phổ biến của triết-học. Nhưng với một bản thể đặc-biệt, với những phương-pháp cấu-tạo nên bản thể đó, triết thi có một hình-dáng, một khuôn khổ không lẫn với triết-học.

Muốn giải-quyết một vấn-đề nào trong phạm-vi của nó, triết học phải sắp-đặt lý-luận, phải trình-bày chứng-cớ một cách có liên-lạc chặt-chẽ, có đầu đuôi gẫy gọn. Triết-thi chỉ cần những bức tranh linh-động, những hình-ảnh, khi đứng rời-rạc, khi ngồi lẫn-lộn, khi xếp hàng có thứ-tự, để đi đến một cứu-cánh chung với triết-học.

Triết-học quan-sát cẩn-thận, so-sánh tỷ-mỷ, rút ra những định-luật, những nguyên-tắc mà triết-thi làm nổi bật lên trên tâm lụa bạch ý-thức bằng sự phơi nhiều qua cái toàn-thể, sự chú ý vào nấy đặc điểm, sự phù phép vào những điểm đó một sức sống, một sức biến hoá dưới những màu sắc, hoà-hợp với nhau êm ái, hay phản-ứng nhau đột-ngột.

Những hình-ảnh và những bức tranh đó sẽ, tùy trường-hợp, hiển-hiện ra một cách rõ-rệt hay lờ-mờ, để làm nẩy ra những tư-tưởng có tính-độ quan-hệ theo ngôi thứ của chúng khi hợp lại để lập thành một hệ-thống tư-tưởng, một lý-thuyết.

Vậy triết-thi phải có một nhạc điệu thích-hợp với nó. Nhạc điệu ấy không thể sao giống được nhạc điệu của lối thơ tả tình và tả cảnh.

Hiển-nhiên là trong kho tàng thi-ca nước ta, ai cũng có thể lượm-lặt được rất nhiều câu thơ có nghĩa-lý vừa thâm-trầm, vừa cao-siêu, khi đọc lên, rất du-dương, nhuần thấm, thuộc về phạm-vi tâm-lý, hoặc luân-lý, hoặc tôn-giáo, hoặc xã-hội; nhưng đấy chỉ là những mầm mống thưa-thớt, tản-mác, để đưa thi-giới ta đến chỗ nẩy nở một thể thơ triết-học chân-chính. Những câu thơ triết lý đó mọc lên ở thể thơ khác với giòng thơ chính-thống của chúng, và chỉ được vun sới, chăm bón, không phải để làm một phần-tử, một yếu-tố của một lâu đài triết-học nào, mà chỉ để cho cái thể thơ chứa đựng chúng được phô qua, trải qua lý mầu triết-học, cho nên những câu thơ đó đều bị cái nhạc điệu của thể thơ bao hàm chúng xô đẩy, kéo đi, biến-hoá đi, làm chúng không giữ được nhạc điệu hoàn-toàn của triết-thi.

Nhiều khi lập luận, chỉ trong giới-hạn một vài câu thơ, triết-thi phải tóm-tắt một tôn-giáo xưa hoặc một học-thuyết cũ, hay phải rút ra, ở sự phối trộn các nguyên-tắc, các định-lý, một vài tư-tưởng mới. Những khi đó, triết-thi phải dùng nhiều danh-từ trừu-tượng trong câu thơ làm cho câu thơ có vẻ khô-khan. Nhưng nếu khô-khan ở hình-thể — khi ta mang đối chiếu nó với câu thơ trữ tình nào chẳng hạn — mà lại đóng được vào khuôn một cách chặt-chẽ, tròn ra tròn, vuông ra vuông, cạnh góc rõ-ràng, những ý-tưởng muốn diễn-đạt, thì câu thơ đó, đối với triết-thi, lại có một giá trị toàn-tát đáng chú-ý, vì đấy là những tia sáng rọi vào cõi tinh-thần, vào những nếp óc sâu thẳm, bản-thể của lý-trí, của khiếu suy-luận phán-đoán, hồ-nghi và quyết-định. Lúc đó, nhạc của câu thơ cũng có một giá-trị đặc-biệt: có cái nhạc thích-hợp với nó, câu thơ ấy mới đạt được mục-đích; mới trở nên thành một tia sáng; và câu thơ đó không phải được tạo nên, để dụng rời ta ngủ, để đưa người ta vào cõi mộng tình đầy khoái lạc, để làm thư-thái tâm-hồn, nhưng trái lại, được tạo nên để lý-trí có cái đà mà vận-dụng một phần to cái lực-lượng tiềm-tàng

của nó, để trí nhớ phải lay chuyển đến nền móng, để trục giác phải luôn-luôn kích-động, để khoa tàng tri-thức như đang [illegible] một bàn tay bí mật.

Những kinh, kệ, những bài giáo-huấn viết bằng vần vần, hoặc để truyền giáo, hoặc để dạy luân lý, không thể liệt vào triết-thi được, nếu không có tính-cách tổng-quan và phổ biến của triết-học, và không có đối-tượng của siêu-hình-học.

Ngoảnh lại nhìn biển văn-học nước ta ngày nay, chúng ta nhận thấy, từ nơi xa lắc, một cuồng phong nổi dậy, thốc tới, đang thúc-giục, đang lôi-kéo, đang xô đẩy một số ít thanh-niên trí-tri đi về một phương, nhằm theo một điểm. Đó là xu-hướng khảo-cứu triết-học Đông Tây và phiên-dịch những sách triết-học, ngoại quốc ra tiếng Việt. Xu-hướng đó về mươi mười lăm năm trước, chỉ có tính cách cá nhân cô lập đến nay thì càng ngày càng mở rộng phạm-vi, càng biểu-lộ những triệu-chứng có thể trở nên một phong-trào.

Những tác-phẩm của các dịch-giả và của các nhà biên-khảo, đã xuất-bản, đều chứng thực mấy điều nhận xét này:

a) cách dùng danh-từ triết-học chưa được nhất-trí;

b) sự nhập-cảng những danh-từ triết-học Trung-hoa mỗi ngày một nhiều;

c) sự nhập-cảng [illegible] thiếu sự [illegible];

d) sự tự [illegible] mới cũng không kem tính cách cấp-bách thiếu vững-vàng, mà nhiều khi còn có vẻ « hiếu lính ».

Cái « trạng thái triết học » của nền văn-học nước ta đó, là một cái phải có, không thể tránh được. Nó không đáng phàn-nàn. Nó chỉ đáng người ta chú ý: nó hiện-hình ra không phải để giữ nguyên bộ-điệu dáng dấp, mà để biến cố thay đổi theo sức sốt-sắng thờ-phụng quốc-văn, sức khai-khẩn những miếng đất bỏ hoang trong rừng văn-học, của thanh-niên nước nhà.

Trước tình trạng văn học đó, những độc giả nào, chỉ quen đọc sách triết-học Pháp và ít đọc quốc văn, đến khi đọc những sách triết-học biên-dịch của ta, phải tốn công tra-cứu xem mỗi danh từ triết-học ta có một tương đương nào trong tiếng Pháp.

Những độc giả nào, không đọc sách triết học Pháp mà muốn hiểu biết triết học, bằng sự đọc sách biên dịch của ta, đều phải vượt nhiều bước khó-khăn, đạt nhiều sự cố-gắng, trong lúc « đi săn kiến-thức », vì thiếu-thốn những từ điển cần dùng. Hiện nay, những từ-điển khả dĩ giúp ích được đôi chút thì lại hết, chưa tái bản; còn tự-điển mới in ra lại sơ lược quá.

Muốn cho nghiêng-ngả, cho xô đẩy về nghiên-cứu triết-học được mang danh là một phong trào đáng ghi trong lịch-sử văn-học nước nhà, không lúc nào như lúc này, các học-giả ta cần phải góp sức nhau để biên-tập [illegible] điển triết-học xứng đáng với tên của nó.

Có người bảo: giữa lúc văn-nguồn còn lúng túng, lộn sộn trong sự biên soạn sách triết học, triết-thi ra đời, tất nhiên là sớm quá, khó mà đạt được mục-đích. Câu nói đó không phải không có lý. Nó càng lưu lý khi triết thi rơi vào tay những người xưa nay chỉ quen đọc thơ trữ tình ủy-mỹ, có những vần thơ êm như gió, nhẹ như mây, để được khoái tai, để giải trí, để dụ hồn. Gặp triết thi, họ đọc một vài câu đầu, họ đã muốn vứt đi rồi, họ giở qua trang giấy, họ nhìn đến vài câu cuối, họ bĩu môi, thè lưỡi, thế là một câu phê-bình mỉa-mai, chua-chát, bay ra từ cửa miệng họ để mong bóp chết một thể thơ mà họ ghét cay ghét đắng ngay từ lúc mới nghe đến tên nó.

Cùng với các nhà phê bình chân chính, chỉ phê-bình sau khi đặt mình vào địa-vị người bị phê-bình, người viết triết thi nhận thấy rằng: trong cái trạng-thái triết-học hiện thời của văn-học nước ta, triết-thi cần phải được chú ý đến, được rèn luyện bởi nhiều tay, được xuất hiện trong bất cứ thời kỳ nào của triết học, và chúng ta chỉ nên e muộn chứ không nên lo sớm quá, còn thi-gia và nhà xuất bản thì chẳng nên quan tâm thắng bại, chỉ nên chú trọng vào chỗ sốt sắng, chỗ tận-tâm, chỗ hy-sinh của cách sử dụng cây bút. Vì chỉ có cái bại của cá-nhân nọ đến cá nhân kia, của thế hệ nọ đến thế-hệ kia, mới nẩy ra cái thành-công tục-tử vẫn mơ màng ngóng đợi.

MINH-TUYỀN

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé

Tùy hứng

NHÂN-HUỆ-VƯƠNG

Thuyền trăng lơ lửng biển trời,
Không chèo, không lái, không người nhặt khoan
Đèn sao mờ tỏ bên ngàn,
Sương lam nhè nhẹ rung màn cây xanh.
Đường khuya khúc khuỷu gập-gềnh,
Suối ru ngọn cỏ bên duềnh xa xa.
Xa xa, tỏ tỏ, mờ mờ,
Bóng nai sợ sệt thập thò trong cây.
Tiếng gầm hổ đói đâu đây,
Tiếng ve, tiếng vượn xa bay rợn hồn.
Đèo cao, gối mỏi, gót chồn,
Tiều-phu rẽo nẻo cô-thôn lần về...

Xưa kia... nhớ những đêm hè,
Trên lầu, sau cánh màn the, ai ngồi,
Lắng nghe, dìu-dặt bên trời,
Lời tiêu thân-ái, tuyệt vời ru bay...
...Gió đưa hồn mộng lên mây,
Hoa thơm quyến gió, lòng say men tình...
Dã tư cùng mảnh hồn trinh
Bước theo nghệ-sĩ tới đình Tụy-tiên,
Công-nương dựng tựa bên rèm,
Khánh-Giư say đắm trước thềm đứng mơ...
Gần xa im lặng như tờ,
Hằng-nga giương mắt tò-mò trên không...
(Trăm năm, ai chả mơ mòng ?
Nghìn năm...ai thoát khỏi vòng ái-ân ?...)

...Ngờ đâu tai ác muôn phần,
Ai chia loan-thủy, cung-cầm lỗi giây.
Chí-linh, Nhân-Huệ đi đày,
Tháng ngày cơ-cực dạn-giầy tấm thân.
Ba năm nếm vị phong-trần,
Ba năm...đốn củi đốt than ngậm sầu.
Giọng tiêu hờn tủi canh thâu,
Sót sa khóc vết thương dầu tình-duyên,
Những lo thẹn với lời nguyền,
Rừng sâu làm mộ thiếu-niên anh-tài,
Trạnh lòng tưởng đến ngày mai,
Chim hồng trái gió, trách ai cơ-cầu !....

Nhưng không, ...một cuộc bể dâu...
Đất bằng nổi sóng, quân Tâu cường hung,
Kéo sang những rắp xưng hùng,
Quân-dân Nam-Việt : côn-trùng sá chi !
Nước non rợp bóng tinh-kỳ,
Thoát-Hoan nanh-ác, Mã-Nhi tham-tàn.
Quân lương thuyền đỗ chan-chan,
Đầy sông kình-ngạc, chật ngàn tỳ-hưu...
Nhân-Tôn căm tức đến điều,
Thuyền nan mảnh-dẻ đành liều sóng khơi.
Lộc-châu, tan chạy tơi bời,
Thiên-trường, danh tiết một đời trung-trinh.
Truân-chuyên coi nhẹ thân mình,
Hưng-đạo-vương, quyết tận tình phò vua.
Giao phong, được được, thua thua,
Dưới trời Tây-kết, Toa-Đô đời tàn.
Ngự-thuyền ra bến Bình-than,
Vua tôi bạc tóc, luận bàn tấn công.
Ngắm trông mây nước mịt-mùng,
Cảm tình luân-lạc, đau lòng Quốc-gia.
Bỗng đâu trên bến cát xa,
Tay chèo, miệng cất lời ca ai-hoài,
Một người lam-lũ, tả-tơi,
Chở than, lao khổ, mồ-hôi dã-dề...
Động lòng xót cảnh dân quê,
Quân-vương vẫy lại vỗ-về hỏi han.
Nào hay trí-dũng kiêm toàn
Xét tài thao-lược xứng hàng tiết-mao.
Rằng : « Người quê quán nơi nao,
Bởi đâu nỡ phí tài cao không dùng ? »
Cúi đầu, Nhân-Huệ ngại-ngùng,
Trần-tình một khúc, tỏ lòng cần-vương.
Vua nghe, tấo dạ ngùi thương,
Cho theo dưới trướng, kiếm đường lập công.

PHAN THANH-GIẢN

« An ngu tại thử cử
Khẳng liễn kinh luân thuật ! »
(Vua Tự-Đức)

Vận nước đang cơn lửa cháy mày
Cửu trùng thì phú mải mê say.
Lá đâu càng khuyết tầm thêm trớn,
Còn sót trung thần được mấy tay ?

***

Kinh-lược khâm sai trấn cõi nam
Thân tàn trung-đỉnh sá chi ham.
Rau vi vi bằng như ai trước
Hang núi mai-tàng ắt dã cam.

***

Sáu cảnh giang-sơn chốc lẻ ba,
Đan tâm héo-hắt buổi giao hòa,
Mạng Vua đề nhục, tôi muôn thác,
Chưa dễ lăm đền nợ quốc-gia.

***

Tưởng chuyện êm lành vậy đã xong,
Ngờ đâu lại tiếp cuộc tranh phong.
Một đàn « văn nhược » sao cho khỏi
Xương trắng sa-trường chất bại vong.

***

Râu tóc bơ-phờ nhuốm lạnh sương,
Đèn chong hiu-hắt mấy canh trường,
Binh-thơ tay ốm run run dở
Lệ máu tuôn dầm trương thấm trương.

Lộc nước từ khi đạo ngự-viện,
Biết bao mưa-móc đượm bình yên,
Biết bao nhàn lạc, than ôi, đề
Trơ mắt ngày nay cảnh đảo-điên.

***

Châu-chấu dương càng trước bánh xe,
Ùn ùn lửa dậy khắp đông tê,
Một trời vô-định giăng mây khói,
Cờ-xí thành cao động não-nề.

***

Hịch mời truyền ra, bị bỏ vây,
Gió cuồng thổi rạp ngọn muôn cây,
Tuốt gươm thẹn bấy gươm ba thước,
Chúa hỡi ! xin nguyền vẹn thảo ngay.

***

Độc-dược pha rồi, nghiêm áo mão,
Quay về bắc-khuyết mờ non xa,
Lễ đàng năm lạy Trời soi xét,
Chẳng được theo cùng Hán Phục-Ba :
Tủi thân đeo ấn, nhục thay mà
Ngựa nào đâu bọc thây lần da !

***

Xót tình quân-sĩ giao thành yếu,
Trọng nghĩa vua-tôi hủy kiếp già.
— Các ngươi đừng khóc, đừng ai khóc,
Hi-sinh cam phận một mình ta.

TÂN PHƯƠNG

« Can-qua, khói lửa đùng đùng,
Thiếu chi dịp để anh-hùng ra tay.
Quân Nguyên sắp kéo tới đây,
Hãy đem quân thủy ra ngay Vân-đồn.
Phục binh, dựa thế núi non,
Lấy đầu Trương-Hồ, chặn lương quân thù,
Rồi đây ... rạng nghĩa khuông-phù,
Nghìn thu vang tiếng Khánh-Dư họ Trần.
Rồi đây, dưới bóng chị Hằng,
Bên hoa, lại dạo khúc đàn Tương-Như,
Rồi đây ... bầu rượu túi thơ,
Trúc-tiêu du những phút giờ yêu dương... »
Hôm nay Tráng-sĩ lên đường,
Hôm sau báo-tiệp quân Trương tan tành.
Vân-đồn muôn thuở lưu danh,

TRẦN-VĂN BÍCH

NƠI SINH VUA

LÊ THÁNH-TÔNG

của CHU THIÊN

Vua Thánh-tông nhà Lê tên húy là Tư-Thành lại có tên là Hiệu là con thứ tư và út vua Thái-tông, em Lạng-sơn vương Nghi-Dân, Cung vương Khắc-Xương và vua Nhân-tông Bang-Cơ. Ngài sinh vào giờ *sửu* ngày *mậu tí* hai mươi tháng bảy năm nhâm-tuất, niên hiệu Đại-bảo thứ ba tức là năm 1442 Tây-lịch. Mẹ là bà Tiệp Dư Ngô thị Ngọc Giao, con gái Ngô Từ theo vua Thái-tổ binh Ngô có công được phong chức Thái-bảo, người làng Động bàng huyện An-định lộ Thanh-hoa (Thanh-hóa bây giờ). Về nơi sinh của ngài mỗi sách chép một khác. Trong *Khâm định Việt sử Cương mục* chép để ngài ở cung Khánh-phương là nơi vua Thái tông dành riêng cho bà Ngô thị Ngọc-Giao khi được sách phong làm Tiệp-Dư. Sách *Lê kỷ dục biên dã-sử* (sách của trường Viễn Đông Bác cổ) lại chép dài hơn như sau này :

« Xưa bà Tiệp-Dư cầu tự, mơ thấy đức Thượng đế sai một tiên-đồng xuống làm con bà, và cho làm vua nước Nam. Tiên đồng chê nước Nam nhỏ không chịu đi. Thượng đế bảo cho thêm đất nước Chiêm-thành nữa. Tiên đồng cũng vẫn không chịu đi. Thượng đế giận cầm cái hốt ngọc đánh vào trán tiên đồng chảy máu ra. Rồi bà có thai mười hai tháng chưa đẻ. Vua (Thái-tông) giận sai chôi ra ngoài vườn hoa giương cung ngắm thẳng bụng toan bắn. May gặp anh họ vua là Lê-Khang (1) can thôi. Vua bèn cho giam xuống chuồng ngựa. Đêm hôm ấy, giời tự nhiên gió mưa sấm chớp, giữa lúc ấy, bà Tiệp-Dư đẻ ra vua Thánh-tông, trên trán có vết ngấn như trong mộng đã thấy. Vua Thái-tông vẫn ghét không cho ở trong cung...»

Quyển *Phạm-thị Phả* dẫn ở đầu bộ *Ức-trai thi tập* lại chép khác :

« Xưa vua Thái-Tông lên ngôi. Ông Nguyễn-Trãi lại phải tham-dự Triều-chính.....

« Gặp lúc bà Tiệp Dư Ngô-thị Ngọc-Giao có chửa, mơ thấy Kim-tiên-đồng giáng sinh. Việc ấy truyền ra. Bà Tuyên-Từ Thái-hậu (mẹ vua Nhân-tông) càng thêm oán ghét, bèn nhân cái việc Lê-Ngân nuôi cô đồng trong nhà thờ Phật để cầu cho con gái là Huệ-Phi, được yêu (2) làm tội cả đến bà Tiệp-Dư phải tội lưu Ông Nguyễn-Trãi xuất vợ lẽ là Thị-Lộ (3) tâu xin thu giam Vua theo, hạ chỉ cho ở chùa Huy-Văn. Ông sai người chăm nom tử tế, đẩy thảng sinh ra Tư-Thành (Thánh-tông).....»

Trong *Hoàng-Lê Ngọc-Phả* và trong bài bia *Chiêu-Lăng* của *Thân nhân-Trung* và các sách khác đều nói đến truyện mơ thấy Thượng-đế cho Tiên-đồng, mà không nói đến nơi sinh.

Trong *Hoàng-Việt Địa-dư chí*, sách soạn triều Minh-mạng chương *Hà-nội* mục *Linh-từ tự-quán* có chép :

« Chùa Dục-Khánh ở thôn Huy-Văn, huyện Thọ-Xương, là nơi bà Quang Thục Hoàng-hậu triều Lê đẻ và nuôi vua Thánh-tông ở đấy. Sau ở chỗ đất ấy lập chùa, bên phải chùa làm điện Huy-Văn để thờ bà Quang thục Hoàng-hậu. Lệ triều Lê đặt chức *Huy-Văn điện Tự-thừa* và chức *Tri-sự* để trông coi việc thờ phụng ».

Nhân đấy, chúng tôi đã thân đến chùa Dục-Khánh này kiếm thêm tài-liệu.

Chùa Dục-Khánh hay là chùa Huy-Văn hiện nay ở làng Văn-Chương, đại lý Hà-nội. Từ con đường Hàng Bột chạy dài (Sœur Antoine prolongée) đi vào có hai lối. Một lối do ngõ Văn-Chương đi đến cái cầu gạch rẽ vào tay phải là cổng sau chùa. Một lối từ số nhà 59 rẽ theo con đường nhỏ lát gạch vào đến cửa chùa, chùa quay hướng Nam. Tòa ngoài cũng là đền thờ vua Thánh-tông, và đức bà Thái hậu trong có tượng thờ rất to và một bức hoành sơn son bốn chữ đại tự thiếp vàng : « *Đế-vương hữu chân* ». Sau đền là chùa thờ Phật, có cả bài vị thờ vua Thái-tổ Cao hoàng-đế bài vị vua Thần tông Uyên hoàng-đế và bài vị thờ các công thần. Hiện ở chùa còn có ba cái bia đá. Cái cổ nhất dựng năm Kỷ mùi niên hiệu Vĩnh trị thứ tư tức là đời vua Lê Hy-tông vào năm 1679 Tây lịch. Theo bia này thì ở chùa trước có Tượng và Chuông thờ đức bà Thánh mẫu, nhưng năm Canh-dần mất chuông, năm sau

mất tượng, Chuông đã mất tượng cũng không còn sợ đời sau cho là hư truyền, nên chủ-trì chùa ấy là Doãn Nhân Thuấn mới đứng lên quyên-giáo các nhà quyền-quý lấy tiền đúc đền Chuông và tượng. Ngày 26 tháng 7 năm Mậu-ngọ (1678) đúc xong chuông, ngày 14 tháng giêng năm Kỷ-mùi tô thánh tượng. Ngày tháng ấy dựng bia kỷ-niệm các vị công đức đã góp tiền vào việc nghĩa-sử ấy. Trên bia, ta còn nhận thấy tên cha con ông Đinh văn Tả và các vị trong Hoàng-tộc, trong Vương-phủ.

Bia thứ hai dựng tháng Trọng-hạ năm Quý-mùi niên hiệu Minh-mạnh thứ tư (1823) để ghi lấy cuộc trùng tu lại chùa này từ năm Nhâm-ngọ đến năm Quý-mùi mới xong. Người soạn bài bia ấy là Tiến-sĩ Triều Lê Hàn lâm viện Hiệu-thảo, Nhân-khê cư-sĩ, hiệu là Hiệu-phủ. Sau khi thuật lại nơi này là chỗ sinh thành ra vua Thánh tông kể đến việc mất trộm năm Canh-dần và việc đúc chuông tô tượng trong hai năm Mậu ngọ Kỷ-mùi, ông nói đến vì việc binh cách luôn mấy năm, cảnh chùa đổ nát, những hoàng-tộc còn lại và dân làng mới cùng nhau gom góp và quyên tiền làm lại. Sau cùng ông kết bằng một câu cảm-động :

« Khi lạc thành, nhờ ta làm văn. Ta là cựu thần nhà Lê vậy. Ôi ! nghĩ lại lúc còn trẻ con ra đây chơi nhẩy, Năm tháng bao lâu mà khiến con người ta thêm động mối cảm hoài kim cổ, phơi phới bùng lên, loáng-loáng nẩy-nở, bèn lấy bút làm bài bia này để ghi rõ mối cảm cựu vậy[1] »

Bia thứ ba dựng ngày hai mươi hai, tháng chín năm Tự-Đức thứ mười bảy (1864) của quan chức Hà-nội là Tổng-đốc Tông-thất-Hàn, Bố-chánh Lê-hữu-Thanh án sát Đặng Tả ghi công cuộc tu-sửa và mở rộng một nơi cổ-tự có liên lạc với một vị đế-vương Triều trước Quan nguyên Đốc học Biên hòa Dương đình Cung soạn bài văn bia. Trong bia cũng nói đến việc bà Quang Thục bị cầu lưu ở đây rồi sinh ra vua Thánh-tông. Tượng vua Lê nguyên trước ở chùa Khán Sơn (trên vườn Bách-thảo bây giờ) rồi sau gặp hồi biến loạn mang về thờ cả ở đấy.

Ngày nay dân làng Văn-Chương vẫn hằng năm cúng tế linh-đình vào hai ngày sinh và hóa của vua Lê Thánh-tông, tức là ngày hai mươi tháng bẩy và ba mươi tháng giêng vậy.

Tôi phải nói dài về chùa Huy-Văn như vậy là muốn đem đủ tài liệu ra chứng nhận rằng chính vua Thánh-tông đã đem tiếng khóc ra chào đời ở chùa này. Mà sở dĩ bị đẩy-ải ra ngoài nơi cung-cấm như vậy, là vì bà Tuyên-từ Hoàng-hậu sợ vị hoàng-tử ứng vào điềm tốt kia sẽ tranh mất ngôi con mình là Thái-tử Bang Cơ vừa mới được lập xong. Thái-tử mất ngôi, tức bà cũng sẽ mất quyền. Cũng vì sợ thế, mà ngay khi vua Thái-tông vừa thang hà, bà liền mưu cùng các đại thần, Trịnh Khả, Trịnh khắc-Phục giết luôn vị lão thần Nguyễn Trãi đi, sợ ông này sẽ làm ngăn trở việc vị vua còn bé ngửa lên ngôi chăng ? (Vua Nhân tông lúc ấy mới chưa đầy hai năm) Và cũng vì vậy, nên sau này, bà lại giết cả bọn, Trịnh Khả, Trịnh khắc Phục, sợ bọn này có lúc hồi tâm trở lại làm lung lay quyền vị của bà chăng ?

Vì những lẽ ấy ta có thể tin chắc rằng vua Thánh tông đẻ ở chùa Huy Văn. Mà có đẻ ở đấy sau này lên ngôi vua, ngài mới làm chùa, đúc chuông, tô tượng và đặt quan coi giữ việc thờ phụng chu đáo như vậy. Còn truyện Ngọc Hoàng Thượng đế cho tiên đồng giáng sinh, là truyện hoang đường quái đản, có lẽ do người đương thời tô điểm vào, cho đời đức vua khác hẳn người thường. Chúng tôi dẫn ra đây cho thêm vui câu truyện mà thôi.

CHU THIÊN

1) Con út Lê Trừ, anh ruột vua Thái Tổ.

2) Huệ phi bị giáng là hàn Chiêu Nghi có đồng là Nguyễn thị bị đày đi vân châu.

3) Thị Lộ lúc ấy được tin dùng ở trong cung.

SỐ ĐẶC SAN

ê TI ANH NIÊ

trong lịch sử và văn học Việt nam

Sẽ ra vào số sau.

— Các bạn sẽ rõ những bực thanh niên xuất chúng của nước ta là ai ?

— Trong lịch sử và văn học Việt-nam thanh niên đã làm nhưng gì ?

— Các bạn thanh niên tân học đã nói những gì về Đông-dương học xá, trong cuộc phỏng vấn của Tri-Tân.

Những người hập đời Chiến-quốc

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Vào đầu thế-kỷ thứ năm trước kỷ-nguyên, ngôi nhà Chu (1134-247) bên Tàu đã suy-kém nhiều; bảy nước mạnh nổi lên, gọi chung là « thất hùng ». Bảy nước ấy là nước Tần, Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, đánh nhau từ năm 403 đến năm 221 trước kỷ-nguyên, cho nên gọi đời ấy là đời Chiến quốc.

Trong đời Chiến-quốc (403-247) có hai thuyết khác nhau một là « hợp-tung », hai là « hêm-hoành ». Thuyết hợp-tung của Tô-Tần, hợp tất cả nước Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở, để chống nhau với nước Tần. Thuyết Tên hoành của Trương-Nghi, sui sáu nước cùng nhau phụng sự nước Tần.

Vì có hai thuyết ấy, nên con vua, con quan hoặc con nhà giàu mới lập ra bè đảng và nuôi thực-khách trong nhà. Nước Tề có Mạnh-Thường quân, nước Triệu có Bình-nguyên quân, nước Ngụy có Tín-lăng quân, v. v. Sau khi nối nghiệp cha, xưng hiệu, người nào cũng chiêu tập người hiền, dung-nạp kẻ sĩ, cốt bá chủ thiên hạ.

Bình-nguyên quân là tước của Triệu-Thắng, công-tử nước Triệu, phong ở đất Bình-nguyên (nay phía tây phủ Tế nam tỉnh Sơn-đông) hay tiếp đãi tân-khách, nên tân-khách kéo đến, thường bữa ăn có vài nghìn người (tân khách số thiên nhân). Khi nước Tần vây đất Hàm đan, vua Triệu sai Bình-nguyên-quân sang cầu-cứu nước Sở. Bình nguyên chọn những khách trong nhà, muốn lấy 20 người có đủ tài văn võ để cùng đi, thì mới chọn được 19 người, ngoài ra không chọn được ai nữa. Sau Mao-Toại tự tiến mình. Bình nguyên-quân nói: « Hiền-sĩ ở đời, ví như cái dùi trong túi, mũi nhọn phải lộ ra. Tiên-sinh làm môn-khách của Thầng này đến ba năm nay, tả hữu chưa ai xưng tụng, Thầng này cũng chưa nghe đến: thế là tiên-sinh không có gì cả, tiên-sinh ở nhà ». Mao-Toại nói: « Tôi là cái dùi trong túi, ngày nay đem cả cái mũi nhọn ra, không những chỉ một mũi mà thôi » (chép trong *Sử-ký* của Tư-mã-Thiên, quyển 76, truyện Bình-nguyên, tờ 1 b, vì có câu chuyện này, nên chữ nho thường gọi những người tự tiến thân, không phải ai đề-cử, là Mao-đinh, nghĩa là mũi nhọn họ Mao).

Bình nguyên-quân bèn cho Mao-Toại đi cùng. Khi đến nước Sở, Bình nguyên-quân nói chuyện với vua Sở về cái lợi-hại của thuyết hợp tung, từ sáng đến trưa, không quyết-định. Mao-Toại chống gươm lên thềm bảo Bình-nguyên-quân rằng: « Cái lợi hại của hợp-tung chỉ có hai lời nói là quyết-định, mà sao lâu thế? » Vua Sở giận thét rằng: « Khách là chức gì vậy? » Toại chống gươm đến trước mặt vua Sở, nói rằng: « Nhà vua sở-dĩ mắng Toại này, là cậy nước Sở nhiều người. Nay trong khoảng mười bước chân, vua không thể cậy được nhiều người đâu! Cái tính-mạng của nhà vua có lẽ ở tay Toại này. Làm sao chủ Toại ở trước mặt, mà nhà vua lại mắng tôi? Nhà vua tự cho là nước ở mạnh, thiên hạ không ai địch nổi, thế mà Bạch-Khởi là đứa trẻ còn, đánh một trận, lấy được đất Yên; đất Sính, đánh hai trận, đốt được đất Di lăng, đến trận thứ ba, làm nhục đến tiên-nhân nhà vua, ấy là cái thù trăm đời, nước Triệu tôi còn xấu-hổ thay! Thế mà nhà vua chẳng biết giận ư? Mưu-kế hợp-tung là vì nước Sở, chứ không phải vì nước Triệu tôi! »

Vua sở vội thưa rằng: « Vâng, vâng thực như lời tiên-sinh: tôi xin đem cả xã-tắc để theo. »

Bấy giờ Mao-Toại bảo những người xung quanh vua Sở đi lấy huyết gà, chó, ngựa: Toại đặt vào mâm đồng, bưng lên vua Sở, nói rằng: « Nhà vua nên uống huyết để thề đã theo kế hợp-tung. Rồi đến chủ tôi và đến tôi. » Toại làm xong kế hợp-tung ở trên điện, tay tả bưng mâm huyết, tay hữu vẫy 19 người đến uống huyết ăn thề. Đến khi về, Bình-nguyên nói rằng: « Thầng này xem tướng kể hàng nghìn người, chưa nhầm người nào, thế mà đến Mao tiên-sinh thì Thầng nhầm. Mao tiên-sinh mới đến nước Sở, mà đã làm cho nước Triệu được quí trọng ở nơi cửu-đỉnh: ba tấc lưỡi của Mao tiên sinh thật mạnh hơn trăm vạn quân. Thầng này không dám xem tướng nữa ». Từ bấy giờ mới tôn Mao-Toại làm « thượng-khách », tức như quí-khách, vì trong truyện Bình-nguyên không chia ra làm « thượng-khách » với « hạ-khách » (*Bổ chính thiếu-vi*), quyển 3, tờ 55 a-56 a).

« Những bọn chơi-bời với Bình-nguyên-quân cử động việc gì đều hào-hiệp cả » (Bình-nguyên-quân chỉ du-đồ hào-cử nhĩ, chữ trong *Sử-ký*, quyển 77, truyện Tín-lăng-quân, tờ 3 a). Cứ như thế, thì những người công-tử đời Chiến-quốc nuôi thực-khách trong nhà, có lẽ Bình-nguyên xứng-đáng cái tên hào-hiệp hơn cả. Cùng bọn với Bình-nguyên-quân còn có Tín-lăng-quân, tức là em vợ Bình-nguyên.

Tín-lăng-quân tên là Vô-Kỵ, công-tử nước Ngụy. Lúc bấy giờ Phạm-Thư chốn nước Ngụy sang làm tướng nước Tần, oán Ngụy và Tề, cho nên đem quân Tần vây Đại-lương, phá Ngụy; vua Ngụy và công-tử có ý lo sợ. Công-tử là người nhân-từ, tôn kẻ sĩ, không cứ người nào, đều giao-tiếp theo lễ, không dám cậy mình phú-quí mà kiêu-căng, cho nên kẻ sĩ phương ấy tranh nhau theo đến; thực-khách có 3.000 người. Các nước hầu đều cho công-tử là người giỏi, cho nên được nhiều kẻ sĩ, không ai dám đem quân mưu-tính nước Ngụy (Sử-ký quyển 77, tờ 1 a). Như vậy thì chỉ những người trong bọn Bình-nguyên-quân và Tín-lăng-quân mới gọi là hào-hiệp.

Còn như Mạnh thường-quân thì khác hẳn. Mạnh-Thường quân tên là Điền-Văn, con người nàng hầu của Điền-Anh. Anh là người nước Tề, được phong Tỉnh-quách-quân có 40 con. Vì Văn sinh ngày mồng năm tháng năm, nên cha cho là điềm xấu, bảo mẹ Văn đừng nuôi. Mẹ Văn nuôi giấu, đến lớn, ra mắt Điền-Anh. Điền-Anh giận, nói rằng: « Cái thằng con sinh mồng năm tháng năm, hễ nó lớn bằng cánh cửa, sẽ hỏng lợi cho cha mẹ ». Điền-Văn nói: « Người ta sinh ra thụ mệnh ở giời, hay thụ mệnh ở cánh cửa? Nếu thụ mệnh ở cánh cửa, thì làm cao cửa lên, ai làm gì nổi? » Được ít lâu, Điền-Văn bảo cha rằng: « Tư-sản nhà ta, giàu kẻ hàng vạn, mà môn-hạ không thấy một người nào giỏi. Văn này nghe: cửa nhà tướng võ tất có tướng võ giỏi, cửa nhà tướng văn tất có tướng văn giỏi. » Bảo cha bỏ của ra để nuôi hiền-sĩ: tân-khách tranh nhau khen Điền-Văn là giỏi. Điền-Anh bèn cho Điền-Văn nối nghiệp. Đến khi mất (năm 48 đời Chu Hiển-vương tức năm 321 trước T. C.) Điền-Văn nối chức Tiết-công, hiệu là Mạnh-Thường-quân (mạnh là lớn, Thường là tên đất), chiêu-tập những du-sĩ trong thiên hạ và những người có tội đi trốn, phần nhiều tiếp-đãi rất hậu (*Lịch đại thông giám*, quyển 9, tờ 15b 16a).

Năm thứ 16 đời Chu Noãn-vương (299 trước T. C.), vua Tần nghe tiếng Điền-Văn là người giỏi sai em là Kinh dương-quân sang làm con tin ở nước Tề, để xin Điền-Văn sang làm thừa tướng. Khi Điền-Văn đã làm thừa-tướng, có người bảo với vua Tần rằng: « Điền Văn làm tướng nước Tần, tất vì Tề trước, rồi sau mới đến Tần, thì Tần nguy mất! » Vì thế, Tần Chiêu-vương giam Điền-Văn, định giết. Điền-Văn sai người đến cầu cứu với nàng hầu yêu của vua Tần: người nàng hầu đòi áo cừu trắng bằng lông cáo. Nguyên Điền Văn có cái áo cừu lông cáo trắng, nhưng đã dâng vua Tần rồi, không lấy đâu mà đưa cho người nàng hầu được. Điền-Văn lo lắm, mới bàn với bọn gia-khách; trong bọn gia khách có người giỏi nghề ăn trộm, tình nguyện vào cung vua Tần, lấy áo cừu trắng, đem về. Người nàng hầu được áo mới nói với vua Tần thả Điền-Văn được tha. Sau vua Tần hối, sai người đuổi theo, thì Điền-Văn đã đến cửa ải. Phép cửa ải, hễ gà gáy mới cho người ra vào. Lúc ấy còn sớm, người đuổi theo đã tới nơi; nhưng trong bọn Điền-Văn có người giỏi làm tiếng gà gáy, gáy lên, các gà khác gáy theo. Điền Văn đi thoát về nước Tề (*Lịch đại thông giám*, quyển 5, tờ 25a), dưỡng lão ở đất Tiết. Tề Mẫn-vương đuổi đi, Điền-Văn bèn sang Ngụy. Ngụy Chiêu vương cho làm thừa-tướng, phía tây hợp với Tần, Triệu và Yên, để đánh Tề; đánh được Tề Mẫn-vương thua rồi chết. Sau Tề Tương-vương nối ngôi thì Điền-Văn trung lập, không theo chư hầu nào. Tề Tương-vương sợ, giảng hòa. Sau Điền-Văn mất các con tranh nhau ngôi chức; Tề, Ngụy đến diệt đất Tiết, thành ra Điền Văn vô hậu (*Trung quốc nhân danh từ-điển*, trang 197).

Xem như thế, thì ba người đời Chiến quốc kể trên này, đều nuôi thực-khách đến vài ba nghìn người, nhưng chỉ có Bình nguyên-quân và Tín-lang quân mới có thể gọi là hào hiệp. Còn như Mạnh-Thường quân chỉ vì danh lợi nên không đáng gọi là hào hiệp. Cụ Nguyễn Du dẫn điển hào-hiệp trong truyện *Kiều*, cũng chỉ lấy điển Bình-nguyên quân: « Khiến người lại nhớ câu Bình nguyên quân ».

Vừa rồi, ông Minh-dân chép riêng truyện Mạnh Thường-quân làm một cuốn sách con, (51 trang 11x18, nhà Mai Lĩnh xuất bản), đề là *Phê bình Mạnh Thường-quân, một nhân vật trong thời Chiến quốc*. Tác-giả nói: « Tiếng Mạnh-Thường-quân đối với người Đông phương cũng như tiếng Mécène với người Âu-châu, hiện thời đã thành một cái tên chung, để trỏ những người có lòng hào-hiệp, chịu bao-dung nhiều người khác, vì chưa gặp thời hay lỡ bước phải tìm đến người tựa vào mình. Có khác là Mécène chỉ che trở và

(Xem tiếp trang 21)

XÉT ĐỊNH SỬ LIỆU

(Nguyên Hán văn của Hồ Thích trong « Trung-quốc triết học sử đại cương »)

GƯỜI Trung quốc làm sử mà rất hờ hẫng với sử liệu! Chẳng biết rằng hễ sử liệu mà chẳng đáng tin, thì trước tác về lịch sử sẽ mất giá trị đáng tin cậy đi. Mạnh Tử nói: « *Quá tin theo Sách, thôi thà tốt hơn đừng đọc sách* » Mạnh tử rất sùng bái Khổng tử thế mà đối với sách chính tay Khổng tử viết, thày còn cón có thái độ hoài nghi, huống chi chúng ta ngày nay cách cổ nhân rất xa, há nên mê tín cổ thơ, cam tâm chịu cho cổ nhân khinh khi bằng những thứ sách giả ấy ru?

Triết học sử rất trọng chân tướng của học thuyết, thứ tự trước sau và mối mạnh diên cách. Nếu những tài liệu ấy mà không đáng tin là *thật*, thì khiến cho:

1·) mất chân tướng học thuyết của các phái;

2·) lộn xộn thứ lớp trước sau của học thuyết;

3·) rối rắm hệ thống lưu truyền của các học phái.

Tôi xin đem bộ sách *Quản tử* ra làm tỷ lệ: sách *Quản tử* không phải là chính tay Quản Trọng làm Nguyên là của hậu nhân lấy lời nghị luận của phái Pháp gia (phái chuyên trị về luật pháp) của phái Nho gia (1) và của phái Đạo gia (tức là Lão giáo) (2) hồi năm chót đời Chiến-quốc, rồi quơ đông lượm tây, góp nhóp thêm làm thành sách ấy. Họ ngụy-tạo các thiên Quản Trọng cùng Hoàn công vấn đáp; dồn những điều tạp nạp lại làm thành thiên « công nghiệp của Quản Trọng ». Bảo sách ấy giả, có rất nhiều bằng cớ, xin kể nhón 3 điều:

1·) Thiên « Tiểu xưng » chép những lời nói của Quản Trọng lúc sắp làm chung, lại chép cái chết của chúa Hoàn công (3). Quản Trọng chết trước Tây lịch 640 năm, mà thiên « Tiểu xưng » lại có chép truyện nàng Máo Tuồng, nàng Tây Thi (!) Tây Thi, lúc nước Ngô mất, nàng hãy còn. Mà nước Ngô mất trước Tây lịch 472 năm! Thế là Quản Trọng đã chết mất 171 nam về trước, làm sao biết được Tây Thi mà chép vào sách mình? (4)

Ngoài ra như thiên « Hình thế giải » nói chuyện Ngũ Bá, thiên « Thất thần thất chúa » (七臣七主) nói chuyện Ngô vương thích gươm, Sở vương thích lưng bé, đều thấy rõ là của hậu nhân ngụy-tạo cả.

2·) Thiên « Lập chính » bảo: nếu thuyết chuộng binh sĩ mà thắng thế (thắng được thuyết Kiêm ái), thì những chỗ hiểm trở cũng không giữ được. Nếu thuyết Kiêm ái mà thắng thế (thắng được thuyết chuộng binh sĩ) thì sĩ tốt khỏi đánh giặc. Thiên « Lập chánh cửu bạ » (立政九敗) giải về thuyết Kiêm ái rằng: « xem dân của thiên hạ như dân của mình, xem nước của người như nước của mình, như thế thời không có lòng nào đi gồm thâu tranh đoạt nhau ». Đó quả là thuyết của Mặc tử, người sanh sau Quản Trọng rất lâu. (Thiên Pháp Pháp 法法篇 cũng có lời yêu cầu bãi binh nữa)

3·) *Tả truyện* chép: Lục Tử Sản làm sách Hình luật (trước Tây lịch 536 năm), Thúc Hướng cực lực phản đối; sau đó vài mươi năm nước Tấn làm ra hình-đảnh (khắc luật hình phạt trong cái vạc: 刑鼎), khắc hình-thư. Khổng tử rất không tán thành (trước Tây lịch 513 nam) Đỗ toàn là chuyện sau khi Quản Trọng chết một trăm mấy mươi năm Nếu như lúc Quản Trọng sống mà đã có cái học về pháp luật hoàn bị như thế, sao đến ngoài trăm năm sau, mấy bực hiền giả như Thúc Hướng, Khổng tử lại không có chút quan niệm nào về luật pháp cả? Tại sao trong thơ đáp cho Thúc Hướng, Tử Sản chỉ biết nói: « Tôi chỉ cứu lấy đời mà thôi » cớ sao chẳng biết lợi dụng cái học về pháp luật đã phát huy rất mực từ trăm năm về trước? Ấy, đủ thấy cái học pháp luật trong sách Quản tử là một sản phẩm hồi cuối đời chiến quốc, quyết chẳng phải đột nhiên phát sanh ra hồi lúc Quản Trọng còn sống Trọn bộ sách, bát thế, văn pháp đều chẳng phải từ đời Khổng tử Lão tử trở về trước mà có lối hành văn được như thế. Hãy lấy các thiên luận về pháp luật (*Pháp trị* 法治) mà xem; như thiên *Pháp Pháp* hai lần nói: « Kinh Xuân Thu chép bày tôi có giết vua con có giết cha », đủ thấy sách Quản tử là do người sau ngụy tạo vậy.

ĐỌC SÁCH

Dưới rặng thông

của Nguyễn dân Giám, Duy-tân thư xã xuất bản.

« Dưới rặng thông » là một quyển ái tình tiểu thuyết tả sự thực về ái-tình của một du học-sinh là Khả Minh cùng cô Yvonne một thiếu nữ Pháp mà chàng gặp gỡ ở kinh thành Paris. Rồi, cặp tài-tử giai nhân ấy đưa nhau về quê hương nàng ở tỉnh Remiremont trong dãy núi Vosges. Rồi, trong cái phong cảnh đẹp dưới rặng thông xanh, trên lần tuyết trắng, cùng nhau sống những phút êm đềm trong gia đình cô Yvonne.

Nhưng, Khả-Minh nhận được tin nhà mẹ yếu phải đáp tầu về nước Nam, việc nhà bình yên, chàng lại sang Pháp, gặp lúc chiến tranh, chàng phải tòng quân vào đội thông-ngôn. Khi tới nơi thời gia đình nàng Yvonne đã bị tan nát, cha mẹ, hai em, nàng đã bị nạn, còn một mình Yvonne, hai người ái-ngại, mừng mừng, tủi tủi, nhưng Khả-Minh thú thật vì phận-sự đã lấy vợ, còn Yvonne thì cũng đã có người hỏi sắp cưới.

Sau một thắng sum họp, Khả-Minh, hết hạn đầu quân đáp tầu về nước rồi tiếp tin nàng Yvonne ốm trong một dưỡng đường, lúc lâm chung nhờ bà Phước gửi tập nhật-ký cho chàng để ghi nhớ cái ái-tình tuyệt-vọng của hai bên.

Chàng Khả Minh, tuy vui cảnh gia-đình nhưng được tin người yêu mất, lấy làm đau đớn mà gửi lòng thương trong mấy vần thơ bi-đát, lâm ly :

. . . . . .

Có ai qua nấm mộ nàng,
Sẻ sẻ bên giò mấy hàng thông reo.

. . . . . .

Dưới ngòi bút linh-động của ông Nguyễn dân Giám tả đã nhận thấy cái tinh thần của câu truyện, những đoạn tả cảnh vui mừng, tuyết xuống, những cảnh gia đình đầm-ấm của phương tây, ta cảm thấy cái giản dị của những gia-đình cần lao ở Pháp nó cũng na ná giống những gia đình của nước Nam này.

Tuy cốt truyện là chuyện tình, nhưng tác giả đã để cả tâm hồn du học sinh của mình mà viết nên nên nghệ thuật quyển « Dưới rặng thông » đã không thẹn với cái nhan đề của nó.

Ta có thể so sánh cuốn này với các thiên ái tình tiểu thuyết của Tây phương như Werther hay *Tình sử* của Đông phương, chỉ cần người đọc sách nhận thấy cái nghệ thuật hơn là cốt truyện vì chuyện tình thì phần nhiều là sự tuyệt-vọng ; xưa nay « *tài tử giai nhân tề ngộ nan* » thời việc Khả Minh, Yvonne trong sách cũng là truyện thông thường trong tình trường vậy.

TIÊN ĐÀM

Sách Quản tử đã không phải *sách thật*, nếu dùng làm sử liệu cho triết học thời đại Quản Trọng tất lòi ra 3 mối tệ như trên đã nói.

1) Quản Trọng vốn không có cái học thuyết ấy, nay ta lại bảo có, chẳng hóa ra râu ông nọ cắm cằm bà kia sao ? Thiệt là nước lã khuấy nên hồ !

2) Trước Lão tử mà hốt nhiên có những thiên *Tâm thuật*, *Bạch tâm*, là mấy thiên rõ ràng của phái Đạo gia ! Trước Mạnh tử Tuân tử ngót mấy tram năm mà hốt nhiên có thuyết *Nội nghiệp* là môn tâm lý học mầu nhiệm của phái Nho gia ! Trước nhà làm binh luật mấy tram năm mà hốt nhiên những thiên *Pháp Pháp*, *Minh Pháp*, *Cấm tàng*, chủ nghĩa *Pháp trị* đã sớm phát đạt ! Mà quả như vậy mà được cho, thời triết học sử tất không trình bày theo thứ tự trước sau của các học thuyết, mà nó sẽ biến thành loại sách Linh dị ký hay Thần bí ký cũng nên !

3) Quản Trọng sanh trước Lão tử và Khổng tử một tram mấy nam, mà triết học đã có qui mô rộng lớn như thế ấy ; thế mà sao từ Lão tử về sau, tư tưởng tiến hóa sử lại tuần tự tiến từng bước một, thật hoàn toàn chẳng hợp lý. Thế nên nhận sách Quản tử là sách thật, tức là cầm cái học của Chư tử với nguồn gốc hệ thống trực tiếp hay gián tiếp mà lộn ngược lại tất cả.

CỔ ĐỘ *dịch*

1) như thiên « Nội nghiệp », thiên « Độ tử chức »..

2) như thiên « Bạch tâm », thiên « Tâm thuật »...

3) Đoạn này Hồ Thích diễn không được sáng nghĩa. Nguyên : nếu là sách tự Quản Trọng viết, thì lúc hấp hối làm sao Quản Trọng chép nhưng lời ấy được ? Quản Trọng chết trước Tề Hoàn gần 40 năm, làm sao biết được cái chết của ông mà chép vào sách mình ?

4) Đoạn này người yếu ý không có chung tôi thêm vào cho sáng nghĩa.

K. T. Q

PHÉP ĐẶT ĐẦU BÀI THƠ

(Đặc trích trong tập Nam đàn bát châu)

TÙNG-VÂN

THI gia đối với phép đặt đầu bài, nên bắt đầu coi là một việc trang-nghiêm trân-trọng, bắt đầu để ý-tứ khảo-xát, để công-phu rèn-tập, để giá-trị thưởng-thức, để câu chuyện phẩm bình. Vì sự thực thơ do cái đầu bài mà tiêu-biểu, thể-chế thơ do cái đầu bài mà thành-lập, nhan-diện thơ do cái đầu bài mà điểm-nhiễm, ý-tưởng thơ, lý-thú thơ do cái đầu bài mà phát-sinh, giá-trị thơ do cái đầu bài mà định-đoạt.

Thi-học-giới, tự xưa đến nay, thường có một hạng người, đã hơi biết làm thơ mà chưa biết đặt đầu bài, lại có một hạng người thơ đã sắp-sửa hay mà đặt đầu bài còn chưa hay. Coi vậy thì phép đặt đầu bài trong cõi thơ phap-độ lý-thú huyền-diệu đường nào!

Nên chi thi gia xưa nay thường có một cái danh-từ thành-thực để cảnh-cáo cho những người khinh bạc lười-biếng đối với phép đặt đầu bài, là danh-từ « bất thành đề-mục ». Ôi! thơ mà bất thành đề-mục, tức là thư bất thành tự, hoa bất thành-hình, âm-nhạc bất thành thanh, cái khuyết-điểm của thi gia không phải là nhỏ. Muốn thi-học tiến-bộ, trước hết phải vượt qua cái bức tường trướng-ngại ấu-trĩ ấy, sẽ thong-dong lên vũ-đài thơ.

Thi gia hoặc có kẻ muốn bắt-chước đầu bài tiểu-thuyết để đặt đầu bài thơ, như vậy là lầm! Vì đầu bài tiểu-thuyết với đầu bài thơ thực khác nhau xa lắm!

Tiểu-thuyết thì phần nhiều có truyện-thuyết rồi mới có đầu bài, cái đầu bài chỉ là tiêu-biểu cho cuốn truyện, cầu lấy dễ lạ tai đẹp mắt người.

Dầu bài thơ thì lại khác hẳn, không cần phải huyền-diệu gì hết thảy, chỉ trang-nhã, minh-khiết, xứng-đáng, thiết-thực, hợp với thể-cách thế là cái đầu bài có bút-pháp thi-gia (đoạn này nên tham-khảo với đoạn nói đầu). Lại phần nhiều có đầu bài rồi mới có thơ. Nếu là thơ vô-đề, thì tức-khắc lại phải dùng hai chữ « vô đề » làm đầu bài. Cổ-thi: « *Tửu biên thi tựu bán vô-đề* », nghĩa là câu thơ phun-nhả trong tiệc rượu, phần nửa là vô-đề. Thơ đó thì lại riêng ra một thể-cách. Duy thơ có đầu bài mới là thơ đại phương đại nhã và chính-thức cổ kim thi-gia thường dùng.

Tóm lại thì đầu bài thơ từ 4 chữ đến 7,8 chữ là đầu bài trung-bình; từ 2 chữ đến 3 chữ là đầu bài ngắn; (không có phép đặt 1 chữ, vì 1 chữ chứa thành văn-lý); từ 9, 10 chữ trở ra thì đã là đầu bài dài, (không có phép được đặt quá dài, vì quá dài thì lại thành ra lời tiểu-dẫn). Đầu bài trung-bình hoặc ngắn hoặc dài thi-gia không câu nệ gì cả, song đầu bài trung-bình thi-gia thường dùng hơn hết.

Phép đặt đầu bài trong cõi thơ, cũng có rất nhiều hình-trạng thể-cách, kể cũng không xiết. Nay muốn luyện-tập về đường ấy, thì chẳng gì hơn lịch-duyệt cổ-kim thi-phẩ cầu lấy bút-pháp của cả danh-nhân. (Nhất là Đường bách-gia thi, hay là thơ Tùng, thơ Tuy, v.v... sẽ đủ bút pháp bằng-cứ. Chứ những cái đầu bài của Hát-nói cổ và thơ Quốc-âm cổ, lưu-hành ở hiện-thời, phần nhiều do người đời sau đặt ra, ít đủ bằng-cứ). Mà những vai thưởng-giám trong thi-đàn phải lấy sự đặt đầu bài làm một sự bắt đầu khảo-duyệt, bắt đầu thưởng-thức phê-bình. Mà những thi-gia khi đặt đầu bài đều nên bắt đầu để công phu trịnh-trọng đặt bút, tỏ ra là nhà có thi-học, khiến cho thơ tuy chưa làm mà cái đầu bài đã có giá-trị. Như thế thì sự tiến-bộ trong cõi thơ, tưởng đã đi được quá nửa đường vậy. Nên chi tập *Nam đàn* chuyết-cảo này, vô-luận thơ soạn hay thơ dịch, tác-giả đối với bài thơ, câu thơ, lưu-ý năm phần, mà đối với phép đặt đầu bài lại trộm lưu-ý mười phần. Xin các bạn cao-minh xét cho cái nghị-luận rông-dài và cái thức-thú nhỏ-hẹp ấy.

TÙNG-VÂN đạo-nhân HI-ÁN-THỊ

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa-thuốc á-đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3$50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phổi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

cước quyển lớn 0$69, nhỏ 0$30.

Hỏi: *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc long 22 Tientsin Hanoi.*

ĐẠI-NAM DẬT-SỬ

Số 13

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

IX. — Mấy ông thứ-sử châu Giao về hồi Nam Bắc triều

(*bài nối*)

Bên Tàu vào khoảng năm 420 đến năm 617 sau Thiên-Chúa, trong nước chia ra hai triều: Nam-triều thì Tống, Tề, Lương, Trần; Bắc-triều thì Ngụy, Tề, Chu, Tùy, không họ nào nhất thống được cả nước, không nhà nào được lâu-dài thịnh-trị, cho nên không ai để ý đến nước phụ dung. Kỳ trước tôi đã thuật truyện Lý-tràng-Nhân và Lý-thúc-Hiến. Kỳ này có Phòng-pháp-Thừa cũng thế: Phục-đăng-Chi đã không chịu nhận Phòng-pháp-Thừa, lại dâng sớ sang vua Tề xin làm thứ-sử, vua Tề cũng cho! Sử đã chê là nước Tề « thất hình » (hình-phạt trái-ngược). Sau đến nhà Lương cũng thế: Lý-Khải là người bên Tàu sai sang, Lý-Tắc đã không chịu nhận, lại cử binh đánh Lý-Khải, thế mà vua Lương lại cho Lý-Tắc làm thứ-sử! « Mềm nặn, dắn buông »: đấy là chính-sách của các vua đời Nam Bắc-triều đối với dân châu Giao về thế-kỷ thứ năm và thứ sáu.

Ông Ngô-thì-Sĩ có bài bàn rằng: « Nước Tề đến lúc này là thất hình. Thúc-Hiến là người thân-thuộc của loạn-thần; nhân khi uy-lệnh chưa khắp, xin với vua Tề đặt thứ-sử; đã cho thứ-sử sang, lại chống-cự với thứ-sử ở Uất-lâm vua Tề đối với việc chống-cự, lại cho hắn làm thứ-sử; những khi được làm thứ-sử, lại bỏ cống-hiến! Đến khi Lưu-Khải đem quân sang đánh, lại cho Thúc-Hiến đi tắt đường sang châu, không biết là có bắt tội hay không. Việc ấy và việc Phục-đăng-Chi cũng thế: thưởng phạt như vậy, làm sao phục được nhân-tâm, giữ được quốc thể? » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 30 b-31 a).

Nguyên tháng sáu năm mậu thìn 488, hiệu Vĩnh-minh thứ sáu, nhà Tề sai Phòng-pháp-Thừa thay Lưu-Khải làm thứ-sử châu Giao. Thừa đến trấn, thác bệnh không coi việc, chỉ ham đọc sách. Trưởng-sử (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 13 a, chép là trưởng-lại) là Phục-đăng-Chi nhân thế chuyên quyền, thay đổi tướng lại, không cho Pháp-Thừa biết: lục sự là Phòng-qui-Van (*Toàn-thư* quyển 4, tờ 13 b, chép là Tú-Văn) bạch với Pháp-Thừa. Thừa giận lắm, giam Đăng-Chi ở ngục hơn mười ngày. Đang-Chi đem của đút cho em rể Pháp-Thừa là Thôi-cảnh-Thúc, rồi được ra. Sau Đang-Chi họp tập những bộ thuộc, đánh úp châu-trị, bắt Pháp-Thừa, bảo rằng: « Sứ-quân đã có bệnh, không nên để nhọc phiền lòng nhọc sức » rồi giam ở biệt thất. Việc này xảy vào hồi tháng mười năm Vĩnh-minh thứ tám (490 sau T.-C.).

Pháp-Thừa ngồi buồn, bảo Đang-Chi đưa sách đọc, Đăng-Chi nói: « Sứ-quân tĩnh-dưỡng, còn sợ bệnh phát lên, há lại còn xem sách được ư! » Không đưa sách, rồi tâu Pháp-Thừa có tâm-tật, không thể coi việc được. Nhà Tề cho Đăng-Chi làm thứ-sử Giao-châu; còn Pháp-Thừa về đến Ngũ-lĩnh thì mất (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 32 a).

Sau Lý-Khải sang thay Phục-đăng-Chi (sử không chép năm nào). Lúc bấy giờ nhà Tề đã truyền ngôi cho nhà Lương. Lý-Khải chống-cự nhà Lương, không chịu theo. Đến năm Thiên-giám thứ tư (505) đời Lương Vũ đế, trưởng-sử Giao-châu là Lý-Tắc đem quân giết Lý-Khải. Nhà Lương cho Lý-Tắc làm thứ sử (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 32 b).

Năm Thiên-giám thứ 15 (516) Lý-Tắc đánh dẹp những dư-đảng của Lý-Khải là lũ Nguyễn tôn-Hiếu, bắt được đem chém, trong châu mới yên. *Khâm định Việt-sử*, quyển 3, tờ 32 b). *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 14 a, chép Lý Tắc chém được dư-đảng của Lý-Khải là Lý-tông-Lão, gửi đầu về Kiến khang là kinh-đô vua Tàu.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Dạy học thuốc và chuyên chữa nội-khoa
theo thể-thức
ĐÔNG-PHƯƠNG
chỉ có:
Thượng-Đức
15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được lin-nhiệm hoàn toàn

Chuyện thơ

DUYÊN NỢ VĂN CHƯƠNG (1)

NÊ-UY

L. T. S. — Trong số văn-học phụ nữ, tập I (T.T. số 112), Tri-Tân có nhắc chỗ khúc đến tên bà Bang Nhãn. Sau khi hai số chuyên san ấy đã ra, chúng tôi mới tiếp được bài dưới đây của ông Nê-Uy, một bạn văn trong Sài gòn. Vậy xin lục đăng để dung thêm chút tài liệu vào trang sử văn học phụ nữ Việt nam sau này.

Dưới triều Thành-thái (1889-1907), ở Quảng-Nam người ta để ý đến một người đàn-bà trạc độ bôn-mươi tuổi, người thanh-nhã, không cao, không gầy, ăn-mặc khi thì áo lụa nu, quần lụa trắng, khi thì áo the la-cà, quần lanh bưởi. Vẻ mặt lanh-lợi, tính tình vui-vẻ, tử tôn, nói chuyện hoạt-bát, miệng cười có duyên.

Người đàn-bà ấy nghe có chỗ nào có cảnh lạ, người hay trong dâm phủ huyện thì tìm đến. Và chỗ nào có dấu chân của bà là người ta được truyền nhau đọc một bài vịnh, ít câu ngông, đôi vần hoạ.

Càng ngạc-nhiên, người ta lại càng cố tìm biết con người ngộ-nghĩnh ấy.

Thì ra là một bà góa ở huyện Đại lộc làng Hà-nha, thường được gọi là bà Bang-Nhãn.

Thì đấy, trong làng ngâm vịnh Quảng-nam mọc một ngôi sao mới, mới vì nó mới hiện ra, nhưng cũng mới vì nó thuộc về giống (sexe) khác. Cho nên ngôi sao ấy có một sức hấp-dẫn lạ thường; chẳng bao lâu các vì «hùng» tinh đều đua nhau «triều-củng» nó.

Và cũng nhờ hiện-tượng ấy mà biết bao thi văn tình-tứ tranh nhau ra đời! Nhưng... tức thay! ngày nay kẻ hậu-sinh biết tìm đâu cho ra hết! Hoạ chăng chỉ còn sót lại một vài giai-thoại và đôi bài thơ để làm chứng-cớ.

Bình-sinh, bà Bang thường xướng hoạ với một ngôi «hùng» tinh quán tại làng Phiếm-ái, cách Hà nha mươi cây số. Đó là một đô-đệ của Lưu-Linh, và hình-ảnh của Đỗ Phủ: Tú-tài Phan Chuyên.

Thi-vần của Phan Chuyên là phản-ảnh của tình-thế cay đắng và của tâm-sự áo não của người. Nên đọc đến, ta cảm nghe tiếng kêu yếu đuối và bi-thống của con tim một nhà nho vụ-thời mẫn-thế!

Nhưng con tim khô héo ấy đôi lúc lại tươi sống lại khi được vài giọt nước cam-lồ của Thảnh-mẫn rưới vào. Khi đó tức là khi ông Tú Chuyên tiếp được «câu thần vẳng giọng tiêu-tao» của bà Bang-Nhãn. Ông liền vội-vã tinh ranh hoạ lại (1):

«Người đâu chưa thấy, thấy thơ người?
Trân-trọng thơ nầy biết mấy mươi!
Những ngỡ Hàn-cung đưa lá thắm,
Dường như Đào-động bẻ hoa tươi.
Quê mùa lời dệt nam vần đủ,
Hỉ hả màn the một trận cười.
Thong-thả lúc nào như có gặp,
Khúc dương-xuân sẽ tự-tình chơi!»

Lời-lẽ đẹp-đẽ và tình-tứ lạ thường!

Mà bà Bang có phải đâu là «nhi-mĩ thường tình»! Bà là một người đàn-bà thuộc lớp cao-đẳng của Đông phương.

Ở nơi bà, con tim cảm-xúc phải luôn luôn ở dưới quyền cai-trị của một tâm-hồn thanh-cao, của một khối óc minh-chánh. Cho nên bà cho tâm lý và luân-lý phải đi đôi với nhau; vẫn ngâm hoa, vịnh nguyệt, bà vẫn làm tấm gương trong cho lớp nữ lưu hậu tiến.

Thi-ông cứ toan vào «Hàn-cung», Đào-động» một cách dễ-dàng lầm tưởng cái phận «hoa tàn, trăng khuyết» của nữ-thi-sĩ, chứ có thấu đâu rằng bà Bang chỉ «trì-kỷ» với ông Tú ở chỗ duyên nợ văn chương!

Muốn tỏ lòng, bà phải tự-phụ để thanh-minh: bà Bang lấy câu *«Hoa tàn mà lại thêm tươi, trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa»* làm đầu để một thiên đường luật tám câu gởi cho ông Tú (2).

Trong lúc «hờn, ghen và giận, tủi», ông Tú gắt-gao họa ngay lại:

Ba (hoa) phai màu thắm nguyệt qua rằm,
Tươi khéo càng thêm tỏ gấp năm
Nhụy rã tốt hơn xuân chín-chục,
Bóng tàn tỏ quá thỏ mười-lam.
Trở-trêu ong bướm đà chê-chán,

Bè-bạn mây mưa nức tiếng tăm!
Nhận với chợ khoe tươi lại tỏ;
Ba (hoa) tàn, trăng khuyết đáng bao lâm!»

Tả làm sao được nỗi lòng uất-ức của bà Bang khi đọc bốn câu mỉa-sắt gián-tiếp của ông Tú:

«Trở-trêu ong bướm đà chê-chán,
Bè-bạn mây mưa nức tiếng tăm!
Nhận với chợ khoe tươi lại tỏ;
Ba tàn trang khuyết đáng bao lâm!»

Có lẽ ông Tú bắt «hoa tàn, trang khuyết» để nói cạnh khóe về sự giao du, xướng họa của bà Bang với các thi-nhân đương thời.

Nhưng chẳng thà vui lòng chịu ông Tú Phan Chuyên mai-mỉa, chứ bà có bao giờ dung cho những kẻ phẩm-phẩu tục-tử lân-la. Trước kia, thấy ông Chiếu-Hổ nói khấy Xuân Hương: làm đi cần», bọn đàn ông ngu-độn, lỗ-mãng «được mợi» liền bị Xuân-Hương rầy thậm tệ:

«Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn-ngơ,
Lại đây cho chị dạy làm thơ!

Một ông «chánh-tổng Đức-hòa» nào đó (phải chăng là hạng tổng Cóc?) «cậm» (1) tình cảnh cô bà Bạng Nhãn, và không biết có nghe ông Tú Chuyên mắng mà «được mợi» không, đến đòi.. xướng họa với bà.

Ông Tổng ấy, ở cách nhà bà có dam ba cây số, hạ lạ không biết «văn chương, chữ nghĩa» của ông sao? Nên có cần gì nỗ dòng nỏ dài với hạng người ấy, bà tặng ngay cho một bài tứ tuyệt:

«Chánh-tổng Đức-hoà cả cớ thôi!
Văn-chương chữ nghĩa hỏi gì tôi?
Năm vần tiện thiếp ra tay hoạ,
Sợ nỗi anh-hùng mút viết ngòi!»

Thật là ngạo-nghễ, cay chua những lời của một bạn quần thoa gởi cho đấng tu mi!

Chúng ta không được xem cái cử chỉ, và cách hành động của ông «chánh-tổng Đức-hoà» lúc đó ra sao: Thật đáng tiếc!

Sài-gòn đêm 21 Septembre 1943
hồm hai tháng tám năm Quí mùi

NỀ-UY

(1) Chúng tôi chưa tìm ra bài của bà Bang. Quí vị nào biết xin chỉ cho. Cám ơn vô cùng.

(2) Bài này chúng tôi tìm cũng chưa ra. Quí vị nào sẵn lòng bày cho chúng tôi xin cảm ơn vô cùng.

Phòng thuốc
CHỮA PHỔI
chuyên môn về bệnh Phổi
15 hàng Bè (Radeau)
Hanoi — Tél. 1630
Giờ mở cửa:
Sáng từ 8 đến 12 giờ
Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ
Chủ nhật nghỉ buổi chiều
Đặc biệt: *Thứ ba, thứ sáu xem mạch, cho đơn không lấy tiền.*
Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa giao ngân. Và muốn hỏi bệnh gì, đính theo tem 0$06 sẽ được trả lời ngay.

Thống chế Pétain đã nói:

«Nguyện vọng thứ nhất của ban-chức là dân khi kỳ hòa-hoà, thì nước nhà đã thống nhất rồi. Cả thảy chức mong các người tuân theo kỷ-luật để giúp bản-chức thành công.»

Nhiều áng thơ hay

(Tiếp theo trang 3)

Cái lối đẳng điền và lấy chữ nhựt thế có nên bảo tồn hay không, đó lại là một vấn đề khác, đây chưa bàn đến. Song để xét những áng thơ văn xưa, sở dĩ truyền tụng được rộng có lẽ một cớ cũng tác giả nó đa biết dự gần đại chúng kiêng đều khiển Phong-đáo. Tục ngữ cho làm tướng quân mạnh mẽ xông tiên trận bút trường văn hay nhưng la cờ ó thêm hai chữ «xứ sở».

HOA BẰNG

1, 2) Hai câu này có bản chép là. *Hỡi chàng ôi! ôi hỡi chàng ơi!* «*Thà phép bên đi yên chàng có thế thôi!*»

3) Một quan tiền xưa có 600 đồng kẽm.

ĐÃ CÓ BÁN:
Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam
của Trần Ngọc giá 2$50
Các bạn mỗi ngày đều nên có một cuốn Khảo cứu về tiếng Việt-Nam, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng thức những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.
Công chúa tóc vàng
Tức Hoa Mai số 32
của Phan Như giá 0$20
THẢM-HIỂM GÒ KHỨC-RỒNG
Tức Hoa Mai số 33
của Nguyễn Phú Đốc giá 0$20
Nhà xuất bản Cộng Lực
N° 9, Rue Takou — Hanoi

Sử học luận đàn

Giả nhời câu hỏi : Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ ?

ĐỌC Tri-Tân số 31, thấy bạn Tiên-Đàm có chất-chính cùng các bậc-thức-giả rằng *Tả-quân Duyệt phải chăng là người Bắc-kỳ?* Tôi nay không dám nhận là thức-giả, nhưng xin lấy tư-cách là con cháu của Tả-quân mà giả nhời câu hỏi ấy :

Gia-phả nhà chúng tôi bắt đầu chép từ cụ Lê-van-Lương là cụ mà tiên-công Lê-van-Duyệt chúng tôi gọi là cụ ngũ-đại, nguyên quán là ở làng Bồ-đề, huyện Mộ-đức, phủ Chương-nghĩa, tỉnh Quảng-nghĩa và thêm một giòng nữa : « Lại nghe tổ-quán ở xã Tề-lỗ, tỉnh Sơn-tây.)

Cụ Lương sinh ra cụ Tính, cụ Tính sinh ra cụ Hiếu, cụ Hiếu sinh ra cụ Toại. Vua Gia-Long sắc tặng cho cụ Tính là Quang-tiến hộ-quân võ-lược tướng-quân, Cẩm-y-vệ cai-đội, Tính-thiện hầu ; cho cụ Hiếu là Quang-tiến chiêu-nghĩ tướng-quân, Cẩm-y-vệ cai-cơ, Hiếu-thuận-hầu. Đến đời cụ Lê-văn-Toại là thân sinh ra Tả-quân Duyệt thì di-cư vào thôn Long-thịnh, tổng Thuận-bình, huyện Kiến-hưng, phủ Kiến-an, tỉnh Định-tường (tức là chợ Ông-Hồ, bến Rạch-gầm hay Kẻ Gầm thuộc ve làng Long-hưng hạt Mỹ-thọ bây giờ).

Mộ các cụ Lương, Tính, Hiếu hiện nay còn ở làng Bồ-đề. Duy mộ cụ Toại thì ở thôn Long-thịnh.

So với bài ông Tiên-Đàm thuật, thì có những sự khác nhau thế này :

Tên tỉnh Sơn-tây với Vĩnh-yên.

Đoạn nói : « Nhân vì ông Duyệt can án ngộ-sát, nên hai cha con mới trốn vào Nam và nhập-tịch ». Thế là cho cụ thân-sinh ra Tả-quân với Tả-quân chúng tôi đi từ Bắc vào Nam mà gia-phả nhà chúng tôi thì chép là ở làng Bồ-đề tỉnh Quảng-ngãi di-cư vào Nam và không nói là vì cớ gì.

Một điều chắc-chắn câu chuyện này sai, tôi xin theo sách *Đại-Nam nhất thống-chí*, quyển lục, mục tỉnh Quảng-ngãi đã chép về Tả-quân Lê-văn-Duyệt chúng tôi là nhân-vật của tỉnh ấy. Sách ấy còn chép : Xã Bồ-đề có cái hồ sen, tương truyền khi sinh thời Tả-quân chúng tôi, thì hằng năm cứ đến mùa hạ, sen mọc um-tùm, đầy khắp, đến khi Tả-quân chúng tôi mất thì hồ ấy mất sen ». Đó là một điều tỏ rằng nhân-dân làng Bồ-đề công nhận Tả-quân chúng tôi là người làng ấy.

Cứ như ý riêng tôi đây không phải là vì dòng dõi mà nói điều hay cho tổ-tiên họ Lê chúng tôi ở Quảng-ngãi chắc chắn khi trước gốc-tích ở xã Tề-lỗ thuộc tỉnh Sơn-tây ngày xưa mà nay là Vĩnh-yên. Vào thời-đại Hậu-Lê, Việt-Nam ta hầu như hai nước : Bắc và Nam. Bắc là của vua Lê chúa Trịnh, mà Nam là của chúa Nguyễn.

Các chúa trong Nam vì địa-thế hẹp-hòi, bé nhỏ, nên phải thi-hành cuộc nam-tiến, khai-thác đất mới, xâm chiếm nước Chiêm-thành, rồi dung-nạp nhân-dân ngoài bắc đe vào thực dân. Bởi vậy nhân-dân Bắc-hà vào theo chúa Nguyễn, thiết tưởng, không phải là ít và không mấy ngày không có.

Còn ngoài Bắc, các chúa Trịnh vốn thế lực có sẵn, lại hay áp-chế, cương-quyết nên nhân-dân chán ghét. Không những thế, kẻ nào phạm vào uy quyền, nhất là tính-mệnh người của chúa, thì khó lòng mà thoát chết, có khi liên-lụy đến cả họ hàng. Bởi vậy, muốn có tự-do, muốn được cứu-mệnh thì chỉ có việc trèo qua Đèo Ngang vào hàng chúa Nguyễn là yên ổn.

Tiên-tổ họ Lê chúng tôi vào hồi cụ Lê-văn-Lương chắc cũng gặp phải trường-hợp như trên mà phải vào nhập-tịch Nam-địa rồi thực dân tại làng Bồ-đề, tỉnh Quảng-ngãi. Trải qua bốn đời, đến cụ Lê-văn-Toại mới di-cư vào Nam-kỳ. Rồi sau Tả-quân Duyệt, xong việc chinh-chiến thì lại về nhận nguyên-quán là Bồ-đề.

Trong một dòng họ, cái trường-hợp, con với cha, hay ông với cháu, hay tằng-tổ với huyền-tôn có sự-nghiệp giống nhau, có dị-dạng giống nhau, có tính-tình giống nhau, thiết-tưởng có thể có được, nhưng rất hiếm. Song sự truyền-khẩu dù đã khắc vào bia, có khi lẫn-lộn, thiết-tưởng, cũng có thể có được như lời thuật của bạn Tiên-Đàm, tôi có thể hiểu :

Cụ tứ-đại Tả-quân Lê-văn-Duyệt chúng tôi là cụ đồ nho. Ông con cụ đồ lúc bé đi ra ngoài đồng, bị chó cắn, thành ra người ẩn-cung. Nhớn lên, tính thích chơi chó săn và được dâng vào cung Hậu-Lê làm thái-giám. Sau vì có quân-công, thăng đến chức Tả-quân thủy-sư đô-thống-chế, tước Viên-tưởng hầu. Tả-quân Lê-văn-Duyệt cũng có dị-tướng ấy, nhưng trong gia-phả cho chỉ các sách đều nói sinh ra đã thế rồi, chứ không phải tự-hoạn, mà cũng có tính thích chơi chó săn và quan-chức cũng được phong tới Chưởng Tả-quân Bình-Tây đại-tướng-quân, tước quận-công.

Có một điều, tôi rất hoài-nghi : Binh-pháp đời Hậu-Lê có đặt ngũ-quân là Tiền, Trung, Hậu, Tả, Hữu như đời Gia-Long đâu mà cụ

chức Tả-quân? Do điều hoài-nghi này mà tôi rất e rằng cái bia ở ngôi miếu nhỏ thuộc làng Tề-lỗ kia theo lời truyền-khẩu mà ghi chép sai-nhầm, lẫn lộn.

Còn một câu chót ở bài bạn Tiên-Đàm thuật: « Lại tương truyền khi vua Gia-Long bình định xong Bắc-hà, có sai đắp đường thiên-lý ở Vĩnh-yên, qua làng Tề-lỗ. Ruột đường chính vào ngôi tổ-mộ nhà ông Tả quân. Khi ấy, ông Lê-văn-Duyệt đang làm Tổng-trấn Nam-kỳ, mật sai con nuôi là Lê-văn-Khôi ra Bắc, ngầm nhổ cái tiêu và cắm xa ra hơn hai trăm thước ».

Tôi thiết-tưởng lúc vua Gia-Long bình định được Việt-Nam, lập được nghiệp nhớn, đối với các công-thần có nhiều điều rất chu-đáo, tử-tế. Năm thứ 3 (1804), gặp lúc khánh-điền còn phong tặng cho tiên tổ các công-thần, thì nỡ nào lại cắm đường qua làng Tề-lỗ, để ruột đường chính vào ngôi tổ mộ nhà cụ Tả quân chúng tôi?

Đương lúc Tả quân chúng tôi làm Tổng-trấn Gia-định, có công to, chức to nhất-phẩm, có đủ quyền-thế, việc Triều-chính, việc võ-bị, việc cai-trị trong dân-gian, tâu xin với vua Gia-Long hay cả với vua Minh-Mệnh về sau, có nhiều điều đắc-lực, huống chi việc đắp đường thiên-lý, lòng đường chính vào ngôi tổ-mộ mà Tả-quân chúng tôi lại không quang-minh, chính-đại tâu xin để tránh xa ra được ư, mà cần gì phải mật sai con nuôi là Lê-văn-Khôi ra Bắc, ngầm nhổ cái tiêu và cắm xa ra hơn hai trăm thước?

Lại do điều này, chúng tôi càng nghi rằng cái bia kia ghi-tạc sai hay là cụ lão nho mà bạn Tiên-Đàm hầu chuyện kia thuật lại sai. Dù sao cũng có một ngày chúng tôi sẽ thân đến làng Tề-lỗ trên Vĩnh-yên để xem tấm bia kia cho tường tận, cho sự khảo-cứu về lịch-sử và gốc-tích dòng dõi họ Lê chúng tôi được rành rõ thêm ra.

LÊ VĂN KIM

(Ngụ tại biệt-thự Phúc-ký, xóm chùa Liên, làng Bạch-mai, khu mới sáp nhập nội.)

Những người hào-hiệp

(Tiếp theo trang 9)

giúp đỡ cho các nhà mỹ thuật và nhà văn. Trái lại, Mạnh thường-Quân là ân-nhân của chung tất cả các giới chính-trị, ngoại-giao, văn học v.v... tóm lại, ông có lượng bao-dung cho khắp các hạng người, không luận là có tài hay không và ở vào giới nào cũng được. »

Nếu có phải thế, thì không thể ví với Mécène được. Mécène là người La-Mã làm cố-vấn cho vua Auguste, không rõ ngày sinh, chỉ biết mất năm thứ tám trước Thiên-Chúa. Bình-sinh có dự vào việc chính-trị và chiến-tranh; nhưng sau khi loạn-lạc đã yên, Mécène chỉ là một người bạn thân khuyên răn vua Auguste, không nhận chức tước gì cả. Người giàu-có, nhà cao vườn rộng biệt-thự nguy-nga, thường thường chơi thân với những văn-sĩ thi-sĩ, như Properce, Virgile, Horace, v.v. Các nhà văn-hào ấy ca-tụng Mécène trong văn thơ, vì thế Mécène mới nổi tiếng. Về sau người Âu-châu dùng chữ Mécène để chỉ những người bênh vực các nhà văn một cách sáng-láng. Mécène tính nhũn-nhặn hoà-nhã, đối với bạn rất trung-thành, người lại thông-minh, có trí tình-nhuệ, thật là một nhân vật hệ-trọng trong « thế-kỷ Auguste ».

Xem như thế thì không có một điều gì giống Mạnh-Thường-quân, họa chăng có giống là giống về hai bên cùng vườn rộng nhà giàu, còn ngoài ra thì khác nhau hết thảy: Mécène chiêu-tập những bạn văn sĩ thi-sĩ, khác hẳn Mạnh-Thường-quân thu nạp tất cả bọn có tội trốn-tránh; Mécène nổi tiếng vì những bài thơ hoặc câu thơ chép trong sách, khác hẳn Mạnh-Thường-quân vì có bọn gian-hùng mới thoát nạn.

Ông minh-dân viết trong cuốn sách rằng: « Mạnh-Thường-quân không đại-lượng, không bác-ái mà cũng không có cả cái đức rất tầm thường là trọng-đãi nhân-tài (vì bất cứ hiền ngu, ông dung-túng cả cả). Nhưng không phải vì lẽ đó mà lịch-sử không phải dành riêng cho ông địa vị vẻ-vang. Cái địa-vị ấy là *« thủy-tổ tất cả các nhà chính trị « nịnh đời » của cổ, kim Âu Á »*.

Người Tàu nói khác. Tư mã Ôn-công bàn rằng: « Người quân-tử sở-dĩ nuôi kẻ sĩ là vì dân. Đây Điền-Văn nuôi người, không xét trí ngu, không chọn hay dở, trộm lọc vua để lập tư đảng, cầu hư-danh, trên nhờn vua, dưới mọt dân ấy là người gian hùng, không đáng kể ».

Vương kinh-công nói rằng: « Đời đều khen Mạnh Thường quân được lòng kẻ sĩ, cho nên kẻ sĩ theo, mà rút cục lại nhờ cái sức của bọn khách ăn mới thoát được cái nạn hổ-lang của Tần Ôi! Mạnh-Thường-quân chỉ là người gian hùng trong đám giả gà gáy, tai ăn trộm mà thôi, không đáng kể. Nếu thật là người được lòng kẻ sĩ thì không phải thế: đã có cái sức mạnh của Tề, mà lại được lòng kẻ sĩ thì có thể làm bá chủ mà ắt được Tần, chứ việc gì phải dùng đến cái sức của bọn giả gà gáy, tài ăn trộm! Những nhà mà đã chứa những người giả gà gáy, tài ăn trộm, thì kẻ sĩ giỏi không đến »

Ứng hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

TIỂU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHƯƠNG VÕ

Số 8

CHU-THIÊN

— Anh em trong cảnh dân gian lầm than thế nay, mà những kẻ bề trên không biết thương, chỉ ham tranh giành lợi lực quyền vị, thật là có tội nhiều lắm. Bổn-phận chúng ta phải cứu vớt họ. Cứu vớt được trăm họ yên vui rồi cho có chết cũng cam tâm.

Vị Bộc Sạ và mấy viên vệ úy đều nói :

— Bẩm công-tử, lu hạ-chức xin hết sức gắng theo như ý công-tử mong mỏi.

Qua hết vùng đồng-bằng, đến miền rừng núi liên tiếp nhau : Núi Đông sơn, núi Trân-sơn, núi Tiêu Sơn, núi Lim, núi Chè lồm ngồm như những con voi khổng lồ trên những rừng cây cỏ xanh um. Đoàn Văn và Thịnh-nguyên trạnh nhớ đến năm xưa cũng trên đường veu rừng núi này, lúc gần tối, gặp cô hàng sẻn quầy đôi bồ sợ sệt, xin cùng đi với hai chàng về Đông-sơn... cho đỡ sợ. Hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ tự nhiên mà rồi sau thành kỳ khôi, hai chàng liền vui vẻ lại ra roi phóng ngựa cho chóng đến kinh đô của vua Chương-võ.

Quả trưa, đoàn sứ bộ đến nơi, được các quan trong triều đón rước vào nghỉ ở quán « Viễn-duyệt » ở ngay ngoài thành. Tòa quan này cũng đồ sộ nguy-nga, chung quanh có vườn, cây cối mát mẻ lối vào sạch sẽ, vua Chương võ lập lên để đón tiếp các khách và các sứ giả phương xa đến, vừa để cho khách nghỉ-ngơi, vừa kịp thì giờ vào bầm với vua trước. Cả đoàn sứ bộ yên nghỉ ăn uống vui vẻ. Đến chiều mới thấy một vị cao quan cùng hai vị quan hầu ra mời hai công-tử và quan Bộc sạ vào cung triều kiến. Ba người liền theo mấy vị quan kia vào thành, qua cổng điện, giữa hai hàng linh vệ binh giáo kiếm chảo, qua sân lên đến điện « Hiển chính ». Ở đấy đông đủ các cao-quan đón chào. Nhưng vào đến nơi không thấy vua Chương võ mà chỉ có con gái ngài là Kim Vân công chúa, tự trên kỷ nhẹ nhàng bước xuống thướt-tha và tươi cười ra đón. Ba người cúi nghiêng mình thi lễ. Nương-tử cũng cúi đầu chào lại rồi tươi cười nói, tay chỉ ba cái ghế :

— Xin rước ba bậc thượng khách ngồi chơi.

Ba người vâng lời. Nàng cũng ngồi xuống nói tiếp :

— Đáng lẽ, tiện tỳ phải thân ra ngoài thành nghinh tiếp hai công tử và sứ-bộ mới phải. Ngặt vì Phụ-hoàng tiện-tỳ thân lên thành Xương minh hội họp với mấy vị đại hiệp bàn việc thiên-hạ, tiện tỳ phải cử ở lại coi thành, nên không tiện ra đón.

Công-tử Thịnh-nguyên thân mật đỡ lời :

— Như vậy, lũ tiểu-tướng được vào hầu một vị quyền nữ-vương mà không giữ đủ lễ, thật là đáng tội, xin bệ hạ cho lũ tiểu-tướng được phép ra bệ tâu và tung hô vạn tuế.

Kim Vân công-chúa cười phán :

— Công tử Thịnh-nguyên khéo nói mỉa, tiện tỳ thêm xấu hổ đã nói nhỡ nhời. Có phải thế không nhỉ Đoàn công-tử ?

Đoàn văn đang mỉm cười, thấy hỏi liền vui vẻ đáp :

— Dạ ! Thưa công chúa, tiểu-tướng đâu dám mỉa mai ạ. Tiểu-tướng đang bâng khuâng tiếc lần này lên đây không được gặp cô hàng sẻn Đông sơn (1), thành thử cứ thẫn thờ thế nào ấy !

Kim-Vân công chúa cũng cười tiếp :

Công tử nhắc đến tiện-tỳ mới nghĩ ra rằng suốt hai năm nay, tiện tỳ vẫn nhớ hai chàng, bảy tơ qua miền rừng năm nọ. Tiện tỳ chịu ơn hai chàng ấy mà mong mãi không gặp để đền ơn. Đành rằng người làm ơn không bao giờ cầu báo, nhưng kẻ chịu ơn lúc nào cũng phải canh-cánh bên lòng...

Đoàn-Văn vội đỡ lời rất lễ phép :

— Công chúa dạy vậy, khiến lũ tiểu tướng càng thêm xấu hổ, nghĩ đến rằng thấp mưu thua chi.

Kim-Vân cả cười tiếp :

— Thua chi bọn đàn bà con gái có phải ? Các công tử thật khéo đổ tội cho tiện tỳ. Cũng như người ta thường buộc tội cho phụ hoàng tiện-tỳ, chỉ vì người ta ở xa không hiểu rõ...

Không để cho Kim-Vân nói hết, Thịnh-nguyên nói ngay :

— Thưa nương tử (2), nghe nương-tử nói, anh em tiểu-tướng lại chột dạ thấy mình thấp cơ thua công-chúa rồi. Lần này anh em vâng mệnh phụ-vương sang sứ, cũng như lần trước vị quân-quốc đại-sự cả mà đã chẳng được hầu tiếp tử tế thì chớ, lại bị trách phủ đầu như vậy. Nhưng thưa nương-tử thực ra, chúng tôi thay mặt cả anh em hào kiệt miền Đông, đến đây đệ thư của phụ-vương, hỏi về cái thái độ lạ lùng của quý-quốc tự nhiên đi thân thiện với quân thù thật đấy ! Một việc làm úp mở như thế, chúng tôi có quyền nghi ngờ lắm. Nương-tử không nên trách chúng tôi mới phải.

Công-tử nói hàng-hồn lưu loát quá, làm cho Kim Vân thêm hoảng sợ, ngẫm-nghĩ một lát mới đáp lại :

— Tiện-tỳ đâu dám trách hai công-tử ! Tiện-tỳ nói là nói người ta quá vội thống trách phụ thân thiếp. Chứ thực ra nào có phải như vậy đâu

Đoàn công-tử tiếp ngay :

— Cái dụng-ý của Tôn-nghiêm chưa thấy đâu, mà cái mối thân thuộc thì rõ-rệt ra đấy, bảo người ta không ngờ sao được

Kim-Vân cố giữ thái độ vui vẻ nói :

— Ấy ở xa chưa hiểu rõ nội tình của phụ-thân tiện-tỳ mà cứ vội chê trách ngay, là hay lắm như thế đấy. Phụ thân thiếp nhận lời họ Trần, chẳng qua dùng kế hoãn binh và nhân khi người ta thấy nhời hạ lễ đến cầu mình, mình nên lợi dụng lấy mai tướng kế lưu kế, đánh họ, có phải lợi không. Ấy phụ-thân thiếp nghĩ vậy nên mới ưng thuận lời họ Trần Và cũng vì vậy, nên người vội đi Xương giang họp bàn với các bạn đồng chí để định kỳ tiến thảo, ngay khi vừa làm lễ cưới xong. Hai chàng thấy đấy. Giá thực-tình với họ Trần, mê nữ sắc, thì người đã mải vui với công-chúa tân-hôn, chứ dại gì mà giam ngăn công-chúa ở một phòng riêng biệt.

Kim-Vân ngừng lại như để thêm phần trịnh trọng cho lời nói của mình. Nhìn ba người rồi mới lại thủng thẳng nói :

— Mai, mai, phụ thân thiếp về tiếp truyện hai chàng, rồi hai chàng sẽ rõ. Bây giờ ta hãi xếp truyện ấy lại, xin mời ba vị sang bên trà thất, sơi cơm chiều, rồi nghỉ ngơi cho thảnh thơi, đợi ngày mai sẽ quyết định

Đoàn-Văn liền cười nói :

— Vâng, thưa nương-tử, nương-tử đã ban-truyền như thế, chúng tôi xin tuân-mệnh, khách phương xa đến, chủ nhân đã sẵn lòng cho ăn uống, chúng tôi đâu dám từ. Chỉ ước ao rằng sau khi đã trao đổi ý kiến, thỏa-thuận về mọi chỗ dị đồng, mà vẫn không trái lại với nghĩa lớn, thủ chung, chúng tôi lại được thân-mật tự nhiên như trước, thì thật là hân hạnh cho chúng tôi lắm.

Kim-Vân mỉm cười :

— Ấy chính về phần tiện tỳ được hân hạnh vui mừng chứ. Nào xin mời ba vị sang.

Nàng đứng giậy trước, tươi cười mời một lượt nữa Ba người liền cùng đứng lên theo nàng đi quành ra phía tây điện đến trà thất Ở đấy các vị quan cao cấp đã đông-đủ đón tiếp Kim-Vân và ba vị quý khách. Chia ngôi chủ khách, trên dưới ngồi vào tiệc rượu xong ai nấy ăn uống ngon lành và nói cười vui vẻ.

Đêm hôm ấy, ba người nghỉ ở gác Hoa-đăng trong điện Hiền-chính, sau khi đã dự mọi cuộc ca hát tưng bừng với mọi vẻ đèn lồng sạc sỡ phô bày ở trên gác ấy.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

---

1) Lần đầu đi sứ, hai công-tử đã gặp Kim-Vân công-chúa giả làm cô hàng sén đón đường, Nguyễn-Nộn thường dùng kế ấy để thu dụng hào-kiệt thiên-hạ (Xem «chia Ba thiên hạ»)

2) Hai chàng không công nhận sự xứng đế của Nguyễn-Nộn nên không gọi là công chúa

SÁCH MỚI

1) *L'Education militaire de Gia-Long* của Đại tướng Lemonnier tả rõ những chiến công của vua Gia Long và giảng rõ những chiến pháp về thế kỷ thứ 18 cùng những trận võ công như trận đánh ở cửa bể Thị Nại.

2) *Calmette* của bác sĩ Rivoalen, giáo sư trường thuốc thuật cái đời vẻ vang hi-sinh cho khoa học của nhà bác học Calmette, có chép việc tìm thuốc bài trừ bệnh lao vaccin B C G và cả vụ nghi án Lubeck đã làm sôi-nổi y giới hoàn cầu.

3) *Salazar* của quan-tòa Foscant nói về thân thế và sự-nghiệp nhà chính trị và kinh tế Bồ đào nha đã làm cho nước ấy phục hưng và cứu-vãn tình hình tài chính

Cả ba cuốn đều là những bài diễn thuyết do Tòa Báo chí Bắc kỳ xuất bản.

Bản chí xin trân trọng cảm tạ và vui lòng giới thiệu với độc giả ba tập văn có giá trị ấy.

T. D.

Đã có bán

SIÊU HÌNH HỌC

của NGUYỄN ĐÌNH THI

Một cuốn triết học nhập môn thật dễ hiểu nhưng không tầm thường. Một cuốn triết học sử phác được rõ ràng cuộc tiến hóa của nền triết học phương Tây.

Sách dày 350 trang-khổ rộng trình bày mỹ thuật. Bìa của họa sĩ Thùy chương Giá 5$00

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT — 29 — Lamlot — Hanoi

Hãy đọc

HỌC THUYẾT FREUD

Giá 2$50

Triết-lý về Vũ-trụ và Nhân-sinh — Giá 2$30

PHẬT GIÁO TRIẾT HỌC

của PHAN VĂN HÙM

(in lần thứ hai)

Đại lý nào chưa cho biết số sách lấy thêm xin kịp biên thư về

Những sách của thư xã
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU, *tome II (trọn bộ)*
cả bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
470 trang 17 X 24 tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
bản thường 3$00 — bản Vergé bouffant 8$50

CHINH-PHỤ NGÂM
cả bản dịch Pháp - văn của BÙI-VĂN LĂNG
120 trang 17 X 24 — tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
bản thường 1$50 — bản Đại - La Impérial 5$00

SẮP XUẤT BẢN

TRUYỆN TRẺ-EM *của* **PERRAULT**
(Contes de Perrault)
Pháp văn và Việt-văn đối-chiếu—Một giai phẩm về nghề in toàn tranh ảnh và bìa 4 màu
của MẠNH QUỲNH
150 trang khổ album 22 X 32 gồm có 8 truyện rất lý thú, đã làm vui các trẻ em thế giới từ 300 năm nay
bản thường 2$50 bản giấy Đại La 12$00
(cước phí như Chinh phụ ngâm)

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN
của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng có điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái công to với quốc-văn vì tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc học Nguyễn Quang Oanh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16 × 25
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi - HANOI
51, Doumer HAIPHONG

NHÀ XUẤT BẢN

HAO - QUANG
Trụ sở 62 Bonard Saigon
Giám đốc : ĐỖ NGỌC QUANG

15 Octobre 1943 sẽ phát hành

NHA NHO
tiểu thuyết của CHU THIÊN

Một thế hệ !
Một nhân vật !
và cả một linh hồn !
Giá : 4$50

Tổng phát hành | **HÀN - THUYÊN**
71 Tiên tsin Hanoi

đã có bán :
Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »

TRIẾT HỌC LÀ GÌ?
của NGHIÊM-TƯ
HAN THUYÊN 2$50

ĐÃ PHÁT HÀNH

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP
của LÊ VĂN SIÊU 2$50

NGÕ HẺM
Một thế giới luộm thuộm, nheo nhóc, ồn ào kỳ dị với bao tấn kịch, hoặc vô cùng bi-oát hoặc quyết liệt hào hùng dưới ngòi bút mên nói, linh động của.
NGUYỄN ĐÌNH-LẠP
Sách giấy hơn 300 trang 1$50
HÀN THUYÊN : *71 Tien Tsin Hanoi*

REVUE TRI-TAN : Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi